

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : LUẬT

Sinh viên : Đặng Mạnh Hùng

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Hồng Thúy

HẢI PHÒNG – 2022

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

**PHÁP LUẬT VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG VÀ VỆ SINH
LAO ĐỘNG - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN & THỰC
TIỄN TẠI VIỆN THÔNG HẢI PHÒNG**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: LUẬT

Sinh viên : Đặng Mạnh Hùng

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Hồng Thúy

HẢI PHÒNG – 2022

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đặng Mạnh Hùng

Mã SV: 1712901013

Lớp : PL2102

Ngành : Luật

Tên đề tài: Pháp luật về an toàn lao động và vệ sinh lao động - Một số vấn đề lý luận & thực tiễn tại Viễn thông Hải Phòng

LỜI CẢM ƠN



Lời đầu tiên, tôi xin được gửi tới tập thể Ban Lãnh đạo cùng toàn thể quý thầy cô Trường đại học Quản lý và Công Nghệ Hải Phòng sự biết ơn và lời cảm ơn chân thành nhất vì đã đem lại cho tôi những kiến thức vô cùng bổ ích trong suốt thời gian học tập vừa qua. Để hoàn thành được luận văn này tôi đã nhận được rất nhiều sự động viên, giúp đỡ của nhiều cá nhân và tập thể.

Tôi xin bày tỏ lòng cảm ơn sâu sắc đến Thạc sĩ Nguyễn Thị Hồng Thúy đã tận tình hướng dẫn tôi thực hiện bài khoá luận của mình.

Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành tới Ban giám hiệu của Trường Quản lý và Công nghệ Hải Phòng đã tạo điều kiện thuận lợi cho tôi trong quá trình học tập và nghiên cứu.

Cuối cùng, tôi cảm ơn những lời động viên từ gia đình, bạn bè và những người đã luôn bên tôi, khuyến khích, giúp đỡ tôi trong quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu của mình.

Xin chân thành cảm ơn!

BẢNG QUY ĐỊNH VIẾT TẮT



ATVSLĐ:	An toàn, vệ sinh lao động
ATVSV:	An toàn vệ sinh viên
ATLĐ:	An toàn lao động
NSDLĐ:	Người sử dụng lao động
NLĐ:	Người lao động
TNLĐ	Tai nạn lao động
VTHP:	Viễn thông Hải Phòng

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Số trang
PHẦN MỞ ĐẦU	01
1. Lý do chọn đề tài	01
2. Tình hình nghiên cứu	03
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	04
3.1. Mục đích nghiên cứu	04
3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu	04
4. Phạm vi nghiên cứu	04
5. Phương pháp nghiên cứu	04
6. Bố cục đề tài	05
CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG VÀ PHÁP LUẬT VỀ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM	06
1.1. Khái quát chung về an toàn, vệ sinh lao động	06
1.1.1. Khái niệm an toàn lao động, vệ sinh lao động	06
1.1.2. Đặc trưng của an toàn, vệ sinh lao động	07
1.1.3. Mục đích của an toàn, vệ sinh lao động	08
1.1.4. Ý nghĩa của pháp luật an toàn, vệ sinh lao động	08
1.2. Pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động theo pháp luật Việt Nam	10
1.2.1. Các văn bản pháp luật điều chỉnh về an toàn, vệ sinh lao động	10

1.2.2. Các quy định pháp luật về đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động	12
CHƯƠNG 2: THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG TẠI VIỆN THÔNG HẢI PHÒNG	24
2.1. Giới thiệu về Viện thông Hải Phòng	24
2.1.1. Thông tin chung về Viện thông Hải Phòng	24
2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của Viện thông Hải Phòng	24
2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động của Viện thông Hải Phòng	25
2.2. Áp dụng pháp luật ATVSLĐ tại Viện thông Hải Phòng	26
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ GIẢI PHÁP	41
3.1. Một số tồn tại hạn chế	41
3.2. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng PL về ATVSLĐ	42
3.2.1 Đối với Viện thông Hải Phòng	42
3.2.2 Đối với việc hoàn thiện quy định về an toàn vệ sinh lao động	44
3.2.3 Giải pháp nâng cao hiệu quả pháp luật về an toàn vệ sinh lao động	45
PHẦN KẾT LUẬN	48
Tài liệu tham khảo	49

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề tài

Lao động là hoạt động quan trọng nhất của con người, nó tạo ra của cải vật chất và các giá trị tinh thần cho xã hội. Trong quá trình lao động, vấn đề bảo vệ tính mạng, sức khỏe cho NLĐ luôn được Đảng và Nhà nước ta chú trọng. Bởi lẽ, NLĐ là vốn quý, là động lực, là mục tiêu của sự phát triển, là tài sản quý giá nhất của Quốc gia. Họ chính là những người hàng ngày, hàng giờ tạo nên các sản phẩm cho xã hội, góp phần thực hiện tốt công cuộc hiện đại hoá, công nghiệp hoá, làm cho đất nước càng phát triển, thịnh vượng. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Đảng ta đã nhấn mạnh nhiệm vụ: *“chăm lo cải thiện điều kiện làm việc, đảm bảo an toàn và vệ sinh lao động, phòng chống TNLĐ, bệnh nghề nghiệp cho người lao động”*¹. Chỉ thị 132/CT/TW của Ban bí thư Trung Ương Đảng cũng khẳng định: *“ Ở đâu, khi nào có hoạt động lao động sản xuất thì ở đó, khi đó phải tổ chức công tác bảo hộ lao động theo đúng phương châm: đảm bảo an toàn để sản xuất- sản xuất phải đảm bảo an toàn lao động”*². ATVSLĐ là một chính sách kinh tế - xã hội lớn của Đảng và Nhà nước ta, thể hiện tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước ta trong việc bảo vệ tính mạng, sức khỏe NLĐ.

Thể chế hóa các chủ trương của Đảng, trong những năm qua, Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật về ATVSLĐ. Trước hết phải kể đến các Bộ luật lao động năm 1994 được sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006, Bộ luật lao động năm 2012 và Bộ luật lao động năm 2019. Ngày 25 tháng 6 năm 2015, tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật an toàn, vệ sinh lao động có hiệu lực từ 1/7 năm 2016. Luật An toàn Vệ sinh Lao động ra đời là dấu ấn quan trọng cho công tác quản lý nhà nước về an toàn lao động cũng như công tác bảo đảm ATVSLĐ trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị. Luật An toàn Vệ sinh Lao động đã tạo khung pháp lý đồng bộ, thống nhất, đảm bảo

¹ Xem: Đảng cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ IX của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.105

² Đảng cộng sản Việt Nam (1959), Chỉ thị số 132/CT- TW ngày 13/3, Hà Nội

tính thực thi cao hơn, đồng thời tạo sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức và hành vi của các cơ quan quản lý nhà nước về lao động; của mỗi doanh nghiệp, NSDLĐ và NLD. Ngoài các văn bản luật còn có rất nhiều các Nghị định, thông tư hướng dẫn về đảm bảo về ATVSLĐ như: Nghị định 39/2016/NĐ- CP hướng dẫn Luật an toàn, vệ sinh lao động, Nghị định 88/2020/NĐ - CP hướng dẫn Luật an toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm TNLD, bệnh nghề nghiệp bắt buộc, Thông tư 13/2020/TT-BLĐTBXH về Đánh giá tình hình tai nạn và sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động, Thông tư 06/2020/TT-BLĐTBXH về Danh mục công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ... Với sự ban hành một loạt các văn bản trên đã thể hiện sự quan tâm của Nhà nước nhằm đảm bảo cho NLD được làm việc trong một môi trường ATVSLĐ.

Trong nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, mặc dù công tác ATVSLĐ cũng đã được các cơ sở sản xuất kinh doanh thực hiện, tuy nhiên, nhìn chung trên phạm vi cả nước, công tác đảm bảo ATVSLĐ vẫn còn đáng lo ngại. Theo thống kê của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội, tình hình TNLD trong những năm qua vẫn còn ở mức cao. Cụ thể: *Trong năm 2018 trên toàn quốc đã xảy ra 7.997 vụ TNLD làm 8.229 người bị nạn³; năm 2019 trên toàn quốc đã xảy ra 8.150 vụ TNLD làm 8.327 người bị nạn⁴; năm 2020 trên toàn quốc đã xảy ra 8.380 vụ TNLD làm 8.610 người bị nạn (bao gồm cả khu vực có quan hệ lao động và khu vực người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động)⁵. Đa số nguyên nhân gây TNLD là do lỗi của NSDLĐ. Điều này cho thấy việc tuân thủ pháp luật về ATVSLĐ tại các cơ sở kinh doanh chưa thực thi nghiêm túc.*

Trong những năm qua, VTHP đã có nhiều cố gắng trong việc thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về ATVSLĐ, đảm bảo tính mạng, sức khỏe cho NLD, hạn chế đến mức thấp nhất TNLD. Tuy nhiên, trong quá trình áp dụng vẫn còn tồn tại những hạn chế, vướng mắc cần được khắc phục, giải quyết. Trên cơ sở nghiên cứu các quy định của pháp luật về ATVSLĐ, đánh giá thực trạng áp

³ <https://laodongviet.vn/tin-tuc/tai-nan-lao-dong-anh-huong-the-nao-den-doi-song-xa-hoi-va-su-phat-trien-cua-doanh-nghiep-1846.html>

⁴ <http://laodongxahoi.net/tai-nan-lao-dong-chet-nguoi-giam-trong-nam-2019-1315031.html>

⁵ <http://huanluyenantoan.gov.vn/tinh-hinh-tai-nan-lao-dong-nam-2020.html>

dụng tại VTHP, chỉ ra các kết quả đạt được, những tồn tại vướng mắc, từ đó đưa ra những giải pháp nhằm thực hiện tốt hơn công tác ATVSLĐ tại VTHP. Từ các lý do trên, tác giả lựa chọn ***“Pháp luật về an toàn lao động và vệ sinh lao động – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn tại Viễn thông Hải Phòng”*** làm đề tài nghiên cứu của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Do tầm quan trọng của công tác ATVSLĐ, hiện đã có nhiều công trình, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ, bài báo khoa học nghiên cứu về vấn đề này như:

- Luận văn thạc sĩ của Cần Thùy Dung: *“An toàn lao động và vệ sinh lao động theo pháp luật lao động Việt Nam”* bảo vệ thành công tại Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2013. Luận văn đã nêu được một số vấn đề quy định về ATVSLĐ trên cơ sở Bộ Luật Lao động (2012), chưa dựa trên cơ sở Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015.

- Luận văn tiến sĩ của Hà Tất Thắng: *“Quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động trong các doanh nghiệp khai thác đá xây dựng ở Việt Nam”* bảo vệ thành công tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh năm 2015. Luận án đã nêu được các nguyên tắc, nội dung, nhân tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động trong khai thác đá xây dựng.

- Bài báo khoa học của Lê Kim Dung: *“Tiêu chí của pháp luật bồi thường TNLĐ”* đăng trên Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 5/2011.

Tuy nhiên, những công trình trên mới chỉ nghiên cứu pháp luật về ATVSLĐ ở một số khía cạnh nhất định, chỉ ra những bất cập trong quá trình thực hiện các quy định của pháp luật về ATVSLĐ trong thực tiễn; chưa có công trình nào nghiên cứu việc áp dụng các quy định của pháp luật về ATVSLĐ tại VTHP. Trên cơ sở làm rõ các quy định của pháp luật về ATVSLĐ, đánh giá thực trạng áp dụng các quy định đó tại VTHP, tác giả đưa ra những đề xuất, kiến nghị nhằm đảm bảo tốt hơn công tác ATVSLĐ tại VTHP là một hướng nghiên cứu mới của khóa luận, có ý lớn về mặt thực tiễn.

3 Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của khóa luận muốn làm rõ một số vấn đề cơ bản về pháp luật ATVSLĐ theo quy định của pháp luật hiện hành; đánh giá thực trạng áp dụng các quy định đó tại VTHP, từ đó tác giả đưa ra một số giải pháp nhằm đảm bảo tốt hơn công tác ATVSLĐ tại VTHP.

3.2 Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích như trên, khóa luận phải làm rõ những nhiệm vụ cụ thể sau:

- Nghiên cứu làm rõ những vấn đề lí luận cơ bản của pháp luật về ATVSLĐ.
- Nghiên cứu quy định chung của pháp luật Việt Nam về ATVSLĐ, quy định về ATVSLĐ của Tập đoàn Bưu Chính Viễn thông Việt Nam;
- Khảo sát thực tế, phân tích thực trạng áp dụng quy định pháp luật ATVSLĐ tại VTHP
- Chỉ ra những kết quả đạt được và những vướng mắc còn tồn tại, nguyên nhân của những tồn tại đó, từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm đảm bảo tốt hơn công tác ATVSLĐ ở VTHP.

4. Phạm vi nghiên cứu

Khóa luận nghiên cứu các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về ATVSLĐ, tập trung nghiên cứu nghĩa vụ, trách nhiệm của NSDLĐ tại các cơ sở kinh doanh trong việc bảo đảm ATVSLĐ, thực trạng áp dụng các quy định đó tại VTHP trong giai đoạn từ năm 2017 đến nay.

5. Phương pháp nghiên cứu

Khóa luận sử dụng phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác-Lê Nin với phép duy vật biện chứng và duy vật lịch sử.

Phương pháp nghiên cứu: Khóa luận sử dụng phương tổng hợp, phân tích, so sánh, phân tích số liệu, tài liệu, thống kê... để làm rõ từng mặt, từng lĩnh vực của đề tài.

6. Bộ cục đề tài

Ngoài Phần mở đầu, Phần kết luận, Tài liệu tham khảo, nội dung chính của Luận văn gồm 3 chương:

- Chương 1: Khái quát chung về ATVSLĐ và pháp luật về ATVSLĐ theo pháp luật Việt Nam.
- Chương 2: Thực tiễn áp dụng pháp luật về ATVSLĐ tại Viễn thông Hải Phòng
- Chương 3: Một số kiến nghị, giải pháp.

CHƯƠNG 1

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG VÀ PHÁP LUẬT VỀ AN TOÀN VỆ SINH, LAO ĐỘNG THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM

1.1. Khái quát chung về an toàn, vệ sinh lao động

1.1.1. Khái niệm an toàn lao động, vệ sinh lao động

Trước khi có Bộ luật lao động 1994, các quy định của pháp luật về đảm bảo ATVSLĐ được sử dụng bằng thuật ngữ “chế độ bảo hộ lao động”. Bảo hộ lao động theo nghĩa rộng là tổng hợp các biện pháp, pháp lý, kỹ thuật, tổ chức, bảo vệ môi trường...các các biện pháp khác nhằm phòng ngừa, ngăn chặn các yếu tố nguy hiểm, độc hại phát sinh trong quá trình lao động, bảo vệ sức khỏe NLD. Theo nghĩa hẹp: Bảo hộ lao động là điều kiện an toàn, vệ sinh lao động và bảo vệ sức khỏe cho NLD trong quá trình lao động. Để tránh cách hiểu không thống nhất về bảo hộ lao động, từ khi có Bộ luật lao động năm 1994 đến nay là Bộ luật lao động năm 2019 đã thay đổi tên gọi chế độ bảo hộ lao động thành pháp luật về ATVSLĐ.

Theo quy định của Luật an toàn, vệ sinh lao động năm 2015 thì khái niệm ATVSLĐ được tách bạch thành hai khái niệm riêng biệt. Cụ thể, “*An toàn lao động là giải pháp phòng, chống tác động của các yếu tố gây hại nhằm bảo đảm không xảy ra thương tật, tử vong đối với con người trong quá trình lao động*”⁶
“*Vệ sinh lao động là giải pháp phòng, chống tác động của các yếu tố gây bệnh tật, làm suy giảm sức khỏe cho con người trong quá trình lao động*”⁷.

Trên cơ sở đó, tác giả tổng hợp và đưa ra một khái niệm chung nhất về ATVSLĐ như sau: “*ATVSLĐ là tổng hợp các biện pháp nhằm thiết lập một môi trường làm việc cho NLD đảm bảo an toàn, phòng ngừa, ngăn chặn các yếu tố nguy hiểm, độc hại phát sinh trong quá trình lao động, hạn chế đến mức thấp nhất*

⁶Xem khoản 2 Điều 3 Luật ATVSLĐ 2015

⁷ Khoản 3 điều 3 Luật ATVSLĐ 2015

TNLD, bệnh nghề nghiệp cho NLD, mục đích hướng đến là bảo vệ sức khỏe, tính mạng cho NLD”.

1.1.2. Đặc trưng của an toàn, vệ sinh lao động

Qua khái niệm về ATVSLĐ đã thể hiện rõ các đặc trưng cơ bản trên một số phương diện sau, cụ thể:

Một là, các quy định về ATLĐ mang tính chất khoa học kỹ thuật. Đây là đặc trưng của pháp luật về ATLĐ. Thông qua các quy định trong lĩnh vực này thể hiện rõ yêu cầu cần thiết về vấn đề ATLĐ trong môi trường lao động hiện nay. Do đó, để giữ được ATLĐ cần có môi trường làm việc an toàn, phải hạn chế các yếu tố độc hại, nguy hiểm ảnh hưởng đến sức khỏe NLD. Việc hạn chế những yếu tố đó dựa trên cơ sở khoa học, tự nhiên, thông số phân tích đánh giá mức độ ảnh hưởng đến sức khỏe NLD, như tiêu chuẩn về ánh sáng, nhiệt độ, không khí, độ ồn tối đa được cho phép trong môi trường làm việc... Từ đó, cơ quan có thẩm quyền xem xét và đưa các thông số này thành các quy định pháp luật ATLĐ, có hiệu lực bắt buộc chung trong phạm vi toàn quốc hoặc trong từng ngành nghề, lĩnh vực khác nhau.

Hai là, các quy định về ATLĐ mang tính bắt buộc cao. Tính bắt buộc cao này thể hiện trên phương diện các cơ quan có thẩm quyền đưa các giải pháp cải tiến khoa học kỹ thuật về ATLĐ thành quy chuẩn, tiêu chuẩn, có tính chất bắt buộc chung đối với đơn vị cơ quan, cá nhân NLD và các tổ chức có liên quan. Thông qua các quy định này dễ dàng nhận thấy các quy định về ATLĐ mang tính “cứng nhắc” khó có thể thương lượng, thỏa thuận trong hợp đồng lao động. Bởi đây là nguyên nhân khiến các điều khoản về ATLĐ trong hợp đồng lao động vẫn thường được coi là chung chung nhằm đảm bảo áp dụng chung và rộng rãi cho các đối tượng cũng như phù hợp với quan hệ lao động.

Ba là, các quy phạm về ATLĐ mang tính xã hội rộng rãi. Tính rộng rãi này thể hiện trong việc thực hiện các quy định pháp luật về ATLĐ không chỉ là cơ quan nhà nước, NSDLĐ, NLD mà còn phải bắt buộc các chủ thể liên quan khác cùng tham gia (như công đoàn; tổ chức đào tạo dạy nghề...). NSDLĐ phải có trách

nhiệm tạo môi trường lao động an toàn, hạn chế yếu tố ảnh hưởng sức khỏe NLD; NLD phải tự giác chấp hành nghiêm nội quy, biện pháp ATLD nhằm tránh TNLD; bên cạnh đó còn là trách nhiệm của các chủ thể liên quan khác cùng tham gia tuyên truyền, giám sát, thực hiện đúng và nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về ATLD, toàn xã hội cùng chung tay thực hiện. Đây là điều thể hiện tính xã hội rộng rãi của các quy định về ATLD.

Bốn là, quy định về ATLD đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bảo vệ tính mạng, sức khỏe của NLD. Quy định về ATLD là cơ sở quan trọng nhằm bảo vệ sức khỏe, tính mạng cho NLD. Khi NLD, NSDLĐ và các chủ thể liên quan chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về ATLD thì sẽ hạn chế được tối đa TNLD và bệnh nghề nghiệp. Áp dụng nghiêm túc, đầy đủ các quy định về ATLD sẽ góp phần giảm thiểu những gánh nặng cho xã hội; chi phí về y tế và bảo hiểm xã hội đối với NLD bị TNLD, bệnh nghề nghiệp.

1.1.3. Mục đích của ATVSLĐ

Công tác ATVSLĐ gắn liền với hoạt động của mỗi cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, công việc được giao. Mục đích của công tác ATVSLĐ là sử dụng các biện pháp cải tiến về khoa học, công nghệ, để loại trừ các yếu tố nguy hiểm, có hại có thể xảy ra trong quá trình lao động, tạo nên một môi trường lao động an toàn, vệ sinh. Mục đích của ATVSLĐ thể hiện trên các phương diện sau:

- + Bảo vệ an toàn cho NLD, hạn chế đến mức tối đa không để xảy ra tai nạn, tử vong cho NLD.

- + Đảm bảo sức khỏe tốt cho NLD, không mắc bệnh nghề nghiệp hoặc các dị tật khác do điều kiện lao động gây ra.

- + Duy trì, hồi phục sức khỏe và kéo dài tuổi thọ làm việc cho NLD.

1.1.4. Ý nghĩa của pháp luật ATVSLĐ

Pháp luật về ATVSLĐ được hiểu là các quy định pháp luật do các cơ quan có thẩm quyền ban hành điều chỉnh quan hệ liên quan đến an toàn, sức khỏe và chế độ của NLD nhằm mục tiêu là tạo ra một môi trường làm việc an toàn, lành

manh và bền vững cũng như cải tiến “điều kiện lao động”, loại bỏ TNLD, đảm bảo sức khỏe, an toàn cho NLĐ và lợi ích chính đáng của NSDLĐ.

Đảm bảo ATVSLĐ là bảo vệ sức khỏe cho NLĐ, mang lại hạnh phúc cho bản thân và gia đình họ, đây là yếu tố quan trọng hàng đầu. Đảm bảo ATVSLĐ trong quá trình sản xuất là bảo vệ lực lượng sản xuất (NLĐ). Vì vậy, đảm bảo ATVSLĐ mang ý nghĩa chính trị, kinh tế và xã hội - nhân văn to lớn.

** Ý nghĩa chính trị:*

ATVSLĐ là một chính sách kinh tế - xã hội lớn của Đảng và Nhà nước ta. Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng NLĐ vì đó là vốn quý, là động lực, vừa là mục tiêu của sự phát triển. Họ chính là những người hàng ngày, hàng giờ tạo nên các sản phẩm cho xã hội, góp phần thực hiện tốt công cuộc hiện đại hoá, công nghiệp hoá, làm cho đất nước càng phát triển, thịnh vượng. Vì thế, công tác ATVSLĐ thể hiện tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và các cơ quan, đoàn thể trong việc bảo vệ NLĐ khi thực hiện lao động sản xuất.

** Ý nghĩa kinh tế, xã hội - nhân văn:*

Thực hiện nghiêm túc pháp luật về ATLD sẽ đem lại hiệu quả kinh tế to lớn. Trong quá trình lao động, sản xuất NLĐ được bảo vệ tốt, đảm bảo sức khỏe thì năng suất sẽ tăng cao, chất lượng sản phẩm tốt và đảm bảo kế hoạch đề ra. Còn nếu môi trường làm việc không đảm bảo, ô nhiễm, nguy cơ cao xảy ra TNLD, sẽ gây rất nhiều khó khăn cho sản xuất và kế hoạch đề ra.

Bên cạnh ý nghĩa về chính trị, kinh tế, việc thực hiện tốt công tác ATVSLĐ còn mang lại ý nghĩa về xã hội và nhân văn sâu sắc.

Trong điều kiện sản xuất được đảm bảo về ATVSLĐ thì NLĐ có đủ sức khỏe để tham gia sản xuất liên tục, năng suất lao động không ngừng được cải thiện và thu nhập của họ cũng ngày càng được nâng cao. Vì thế, cuộc sống gia đình của họ được đảm bảo, mức sống được cải thiện, góp phần củng cố và bảo vệ hạnh phúc gia đình NLĐ. Đây là yêu cầu vừa cấp thiết của hoạt động sản xuất, vừa là nguyện vọng chính đáng của NLĐ. Không có xảy ra TNLD, sức khỏe, môi trường

làm việc của NLD được đảm bảo thì Nhà nước và xã hội sẽ giảm bớt được những gánh nặng trong việc khắc phục hậu quả, có điều kiện tập trung đầu tư cho các vấn đề khác của xã hội.

1.2. Pháp luật về ATVSLĐ theo pháp luật Việt Nam

1.2.1. Các văn bản pháp luật điều chỉnh về ATVSLĐ

Vấn đề bảo đảm ATVSLĐ luôn được nhà nước ta quan tâm, chú trọng. Điều này được thể hiện trong nội dung Sắc lệnh 29/SL ngày 12/3/1947. Tiếp đến là các Hiến pháp năm 1946, 1959, 1980, 1992, 2013, Pháp lệnh Bảo hộ lao động năm 1991, Bộ luật lao động năm 1994, 2012, 2019. Đặc biệt, ngày 25 tháng 6 năm 2015 Quốc hội nước CHXNCN Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 9 đã chính thức thông qua Luật An toàn Vệ sinh Lao động với 7 Chương 93 Điều chính thức có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2016. Luật An toàn Vệ sinh Lao động ra đời là dấu ấn quan trọng cho công tác quản lý nhà nước về an toàn lao động cũng như công tác bảo đảm ATVSLĐ trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị, doanh nghiệp. Luật ATVSLĐ đã tạo khung pháp lý đồng bộ, thống nhất, đảm bảo tính thực thi cao hơn, đồng thời tạo sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức và hành vi của các cơ quan quản lý nhà nước về lao động; của mỗi doanh nghiệp, NSDLĐ và NLD. Để thi hành Luật ATVSLĐ năm 2015, một loạt các văn bản hướng dẫn được ban hành như:

- Nghị định 39/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ hướng dẫn Luật An toàn, vệ sinh lao động

- Nghị định 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ hướng dẫn Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động

- Nghị định 143/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ hướng dẫn Luật bảo hiểm xã hội và Luật an toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với NLD là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam

- Nghị định 88/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn Luật An toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm TNLĐ, bệnh nghề nghiệp bắt buộc

- Nghị định 58/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định về mức đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc vào Quỹ bảo hiểm TNLĐ, bệnh nghề nghiệp

- Nghị định 44/2017/NĐ-CP Quy định mức đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc vào Quỹ bảo hiểm TNLĐ, bệnh nghề nghiệp.

- Thông tư 06/2020/TT-BLĐTBXH ngày 20/8/2020 về Danh mục công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

- Thông tư 36/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2019 về Danh mục các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

- Thông tư 56/2017/TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2017 về hướng dẫn Luật bảo hiểm xã hội và Luật an toàn vệ sinh lao động thuộc lĩnh vực y tế do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.

- Thông tư 26/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 9 năm 2017 về quy định và hướng dẫn thực hiện chế độ bảo hiểm TNLĐ, bệnh nghề nghiệp bắt buộc do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

- Thông tư 19/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2016 hướng dẫn quản lý vệ sinh lao động và sức khỏe NLĐ do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.

- Thông tư 15/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 6 năm 2016 Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

- Thông tư 20/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 6 năm 2016 về Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trong Quân đội do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

- Thông tư 13/2016/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 6 năm 2016 Danh mục công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

- Thông tư 07/2016/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 5 năm 2016 Quy định nội dung tổ chức thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

- Thông tư 08/2016/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 5 năm 2016 hướng dẫn việc thu thập, lưu trữ, tổng hợp, cung cấp, công bố, đánh giá về tình hình TNLD và sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

Trên cơ sở tuân thủ quy định sự vận động khách quan của đất nước trong tình hình mới, Việt Nam đã xây dựng và ban hành những quy định nhằm điều chỉnh vấn đề đảm bảo ATVSLĐ phù hợp với hoàn cảnh thực tiễn ở nước ta. Hình thành nền tảng pháp lý cơ bản trong việc thực thi pháp luật về ATVSLĐ ở Việt Nam, góp phần không nhỏ trong quá trình xây dựng và phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Có thể thấy, pháp luật về ATVSLĐ khá thống nhất, xuyên suốt đã thể hiện sự quan tâm thường xuyên và ý nghĩa của Đảng, Nhà nước ta đối với công tác ATVSLĐ khi xây dựng đất nước. Với hoạt động ban hành các văn bản hướng dẫn nêu trên đã giúp cho quá trình áp dụng những quy định của pháp luật về ATVSLĐ ở Việt Nam thực hiện một cách hoàn thiện hơn, đảm bảo tốt hơn tính mạng, sức khỏe NLD.

1.2.2. Các quy định pháp luật về đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động

Để NLD được lao động trong một môi trường ATVSLĐ thì trước hết các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các Bộ, ngành phải xây dựng được tiêu chuẩn ATLD. Trên cơ sở đó, nhà nước ban hành các quy định có tính bắt buộc nhằm đảm bảo ATVSLĐ tại các đơn vị có sử dụng lao động.

Bên cạnh việc tuân thủ tiêu chuẩn ATVSLĐ, NSDLĐ phải đảm bảo nơi làm việc độ không gian thoáng, độ sáng, đạt tiêu chuẩn vệ sinh cho phép về bụi, hơi, khí độc, phóng xạ, điện từ trường, nóng, ồn, độ rung và các yếu tố có hại khác.

Ngoài ra, các đơn vị sử dụng lao động phải trang bị bảo hộ lao động, thực hiện các biện pháp bảo vệ sức khỏe NLD, thực hiện các quy định về khắc phục tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp. Có thể nói, bảo đảm ATVSLĐ là trách nhiệm của nhà nước, đơn vị sử dụng lao động, các tổ chức công đoàn, NLD. Trong phạm vi khóa luận, tác giả tập trung làm rõ quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của NLD, đặc biệt là quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của NSDLĐ trong việc đảm bảo ATVSLĐ.

1.2.2.1. Quyền và nghĩa vụ về an toàn, vệ sinh lao động của NLD

Theo Điều 6 Luật ATVSLĐ năm 2015, NLD làm việc theo hợp đồng lao động có quyền sau đây:

- Được bảo đảm các điều kiện làm việc công bằng, an toàn, vệ sinh lao động; yêu cầu người sử dụng lao động có trách nhiệm bảo đảm điều kiện làm việc an toàn, vệ sinh lao động trong quá trình lao động, tại nơi làm việc;

- Được cung cấp thông tin đầy đủ về các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc và những biện pháp phòng, chống; được đào tạo, huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động;

- Được thực hiện chế độ bảo hộ lao động, chăm sóc sức khỏe, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp; được người sử dụng lao động đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; được hưởng đầy đủ chế độ đối với người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; được trả phí khám giám định thương tật, bệnh tật do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; được chủ động đi khám giám định mức suy giảm khả năng lao động và được trả phí khám giám định trong trường hợp kết quả khám giám định đủ điều kiện để điều chỉnh tăng mức hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

- Yêu cầu NSDLĐ bố trí công việc phù hợp sau khi điều trị ổn định do bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

- Từ chối làm công việc hoặc rời bỏ nơi làm việc mà vẫn được trả đủ tiền lương và không bị coi là vi phạm kỷ luật lao động khi thấy rõ có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động đe dọa nghiêm trọng tính mạng hoặc sức khỏe của mình nhưng

phải báo ngay cho người quản lý trực tiếp để có phương án xử lý; chỉ tiếp tục làm việc khi người quản lý trực tiếp và người phụ trách công tác ATVSLĐ đã khắc phục các nguy cơ để bảo đảm ATVSLĐ;

- Khiếu nại, tố cáo hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật.

NLĐ làm việc theo hợp đồng lao động có nghĩa vụ sau đây:

- Chấp hành nội quy, quy trình và biện pháp bảo đảm ATVSLĐ tại nơi làm việc; tuân thủ các giao kết về ATVSLĐ trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể;

- Sử dụng và bảo quản các phương tiện bảo vệ cá nhân đã được trang cấp; các thiết bị bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc;

- Báo cáo kịp thời với người có trách nhiệm khi phát hiện nguy cơ xảy ra sự cố kỹ thuật gây mất ATVSLĐ, TNLĐ hoặc bệnh nghề nghiệp; chủ động tham gia cấp cứu, khắc phục sự cố, TNLĐ theo phương án xử lý sự cố, ứng cứu khẩn cấp hoặc khi có lệnh của NSDLĐ hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

NLĐ làm việc không theo hợp đồng lao động có quyền sau đây:

- Được làm việc trong điều kiện ATVSLĐ; được Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để làm việc trong môi trường ATVSLĐ;

- Tiếp nhận thông tin, tuyên truyền, giáo dục về công tác ATVSLĐ; được huấn luyện ATVSLĐ khi làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ;

- Tham gia và hưởng bảo hiểm TNLĐ theo hình thức tự nguyện do Chính phủ quy định.

- Căn cứ vào điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, khả năng ngân sách nhà nước trong từng thời kỳ, Chính phủ quy định chi tiết về việc hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm TNLĐ theo hình thức tự nguyện;

- Khiếu nại, tố cáo hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật.

NLĐ làm việc không theo hợp đồng lao động có nghĩa vụ sau đây:

- Chịu trách nhiệm về ATVSLĐ an toàn, vệ sinh lao động đối với công việc do mình thực hiện theo quy định của pháp luật;

- Bảo đảm ATVSLĐ đối với những người có liên quan trong quá trình lao động;

- *Thông báo với chính quyền địa phương để có biện pháp ngăn chặn kịp thời các hành vi gây mất ATVSLĐ.*

Như vậy, NLD làm việc theo hợp đồng lao động thì sẽ được hưởng đầy đủ tất cả các chế độ, quyền lợi, nhưng đồng thời cũng bị ràng buộc bởi các nghĩa vụ liên quan, phải chấp hành nghiêm túc và đầy đủ các quy định này.

Đối với NLD làm việc không theo hợp đồng lao động vẫn được hưởng khá đầy đủ các chế độ, quyền lợi cơ bản theo luật ATVSLĐ, đồng thời cũng bị ràng buộc bởi các nghĩa vụ liên quan và phải chấp hành nghiêm túc và đầy đủ các quy định này. Tuy nhiên khi so sánh quyền và nghĩa vụ giữa NLD theo hợp đồng và NLD không theo hợp đồng thì chúng ta thấy NLD theo hợp đồng có quyền và nghĩa vụ liên quan được pháp luật quy định rõ ràng và đầy đủ hơn NLD không theo hợp đồng, điển hình như:

Đối với NLD theo hợp đồng thì được thực hiện các chế độ bảo hiểm lao động, chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh nghề nghiệp; được NSDLĐ đóng bảo hiểm TNLD, bệnh nghề nghiệp;... Còn đối với NLD không theo hợp đồng lao động thì: “Tham gia và hưởng bảo hiểm TNLD theo hình thức tự nguyện do Chính phủ quy định...”, một bên là được thực hiện còn một bên là tham gia tự nguyện. Từ chối làm công việc hoặc rời bỏ nơi làm việc mà vẫn được trả đủ tiền lương và không bị coi là vi phạm kỷ luật lao động khi thấy rõ có nguy cơ xảy ra TNLD đe dọa nghiêm trọng tính mạng hoặc sức khỏe của mình đối với NLD theo hợp đồng. Còn đối với NLD không theo hợp đồng lao động thì chưa có quy định rõ ràng.

1.2.2.2. Quyền và nghĩa vụ về ATVSLĐ của NSDLĐ

NSDLĐ bảo đảm quyền của NLD được làm việc trong điều kiện ATVSLĐ; tuân thủ đầy đủ các biện pháp ATVSLĐ trong quá trình lao động; ưu tiên các biện pháp phòng ngừa, loại trừ, kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại trong quá trình lao động; tham vấn ý kiến tổ chức công đoàn, tổ chức đại diện NSDLĐ, Hội đồng về ATVSLĐ các cấp trong xây dựng, thực hiện chính sách, pháp luật, chương trình, kế hoạch về ATVSLĐ.

Theo Điều 7, Luật ATVSLĐ năm 2015 NSDLĐ có các quyền và nghĩa vụ sau:

Quyền của NSDLĐ:

- Yêu cầu NLD phải chấp hành các nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm ATVSLĐ tại nơi làm việc;*
- Khen thưởng NLD chấp hành tốt và kỷ luật NLD vi phạm trong việc thực hiện ATVSLĐ;*
- Khiếu nại, tố cáo hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật;*
- Huy động NLD tham gia ứng cứu khẩn cấp, khắc phục sự cố, tai nạn lao động.*

Nghĩa vụ của NSDLĐ:

- Xây dựng, tổ chức thực hiện và chủ động phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong việc bảo đảm ATVSLĐ tại nơi làm việc thuộc phạm vi trách nhiệm của mình cho NLD và những người có liên quan; đóng bảo hiểm TNLD, bệnh nghề nghiệp cho NLD;*
- Tổ chức huấn luyện, hướng dẫn các quy định, nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; trang bị đầy đủ phương tiện, công cụ lao động bảo đảm ATVSLĐ; thực hiện việc chăm sóc sức khỏe, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp; thực hiện đầy đủ chế độ đối với người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho NLD;*
- Không được buộc NLD tiếp tục làm công việc hoặc trở lại nơi làm việc khi có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động đe dọa nghiêm trọng tính mạng hoặc sức khỏe của NLD;*
- Cử người giám sát, kiểm tra việc thực hiện nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm ATVSLĐ tại nơi làm việc theo quy định của pháp luật;*
- Bố trí bộ phận hoặc người làm công tác ATVSLĐ; phối hợp với Ban chấp hành công đoàn cơ sở thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên; phân định trách nhiệm và giao quyền hạn về công tác ATVSLĐ;*

- Thực hiện việc khai báo, điều tra, thống kê, báo cáo TNLĐ, bệnh nghề nghiệp, sự cố kỹ thuật gây mất ATVSLĐ nghiêm trọng; thống kê, báo cáo tình hình thực hiện công tác ATVSLĐ; chấp hành quyết định của thanh tra chuyên ngành về ATVSLĐ;

- Lấy ý kiến Ban chấp hành công đoàn cơ sở khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm ATVSLĐ.

NSDLĐ có quyền và nghĩa vụ được quy định rất rõ ràng và đầy đủ trong luật ATVSLĐ năm 2015. Giữa quyền và nghĩa vụ của NSDLĐ thì nghĩa vụ của người sử dụng nhiều hơn và quan trọng hơn, nó thể hiện được tầm quan trọng của NSDLĐ trong bảo đảm ATVSLĐ. NSDLĐ có vai trò quyết định trong việc thực hiện pháp luật về ATVSLĐ tại cơ sở, nó giúp cho việc thực hiện và áp dụng pháp luật về ATLĐ được đầy đủ và chính xác.

1.2.2.3. Quy định về an toàn, vệ sinh lao động đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, do chạy theo lợi nhuận có thể các quy định về ATVSLĐ của NLĐ không được đảm bảo. Vì vậy, để bảo đảm tính mạng, sức khỏe của NLĐ trong các cơ sở sản xuất kinh doanh thì ngoài các quy định về bảo đảm ATVSLĐ trong các đơn vị sử dụng lao động nói chung, đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh, pháp luật lại có các quy định riêng về ATVSLĐ. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, thành lập Hội đồng ATVSLĐ tại cơ sở

Khoản 1 Điều 75 Luật ATVSLĐ năm 2015 và Điều 38 Nghị định 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 về hướng dẫn thi hành Luật ATVSLĐ, NSDLĐ phải thành lập ATVSLĐ cơ sở trong các trường hợp sau đây:

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc các lĩnh vực, ngành nghề quy định tại Khoản 1 Điều 36 Nghị định và sử dụng từ 300 NLĐ trở lên;

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh hoạt động trong các lĩnh vực, ngành nghề khác có sử dụng từ 1.000 NLĐ trở lên;

- Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước.

Thứ hai, thành lập bộ phận y tế

Điều 73 Luật ATVSLĐ và Điều 37 Nghị định 39/2016/NĐ thì tùy thuộc vào quy mô, tính chất hoạt động của cơ sở sản xuất kinh doanh và tùy thuộc vào số lượng lao động có trong cơ sở mà pháp luật quy định thành lập bộ phận y tế ở những ngành nghề như: chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản, khai khoáng, sản xuất sản phẩm dệt, may, da, giày, sản xuất than cốc, sản xuất hóa chất, sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic, tái chế phế liệu, vệ sinh môi trường, sản xuất kim loại, đóng và sửa chữa tàu biển, sản xuất vật liệu xây dựng. Đối với các ngành nghề khác, bộ phận y tế được thành lập khi sử dụng từ 500 người trở lên. Bộ phận phụ trách công tác y tế có thể là những người có trình độ bác sĩ hoặc trung cấp, tùy thuộc vào số lượng NLD sử dụng có trong cơ sở.

Thứ ba, thành lập bộ phận an toàn, vệ sinh lao động.

Theo Điều 36 Nghị định 39/2016, tùy thuộc vào quy mô, tính chất lao động, nguy cơ TNLD, bệnh nghề nghiệp, điều kiện lao động, NSDLĐ phải bố trí người làm công tác ATVSLĐ hoặc thành lập bộ phận quản lý công tác ATVSLĐ tại cơ sở. Người làm công tác ATVSLĐ phải có trình độ đại học, trung cấp chuyên ngành kỹ thuật và có kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh của cơ sở.

Thứ tư thành lập mạng lưới An toàn, vệ sinh viên

Có thể nói rằng ATVSV là một chức danh của NLD trực tiếp tham gia vào công tác ATVSLĐ tại cơ sở. ATVSV là người có am hiểu về ATVSLĐ, am hiểu chuyên môn, tự nguyện tuân thủ quy trình, quy định ATVSLĐ. Theo điều 74 Luật ATVSLĐ năm 2015, nhằm hỗ trợ bộ phận phụ trách công tác ATVSLĐ của cơ sở, ATVSV đến trực tiếp nơi sản xuất như đơn đốc, nhắc nhở mọi người trong chấp hành nghiêm chỉnh quy định về ATVSLĐ, giám sát việc thực hiện quy định toàn, kiến nghị thực hiện chế độ BHLĐ.

Thứ năm, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch ATVSLĐ.

Việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch ATVSLĐ có ảnh hưởng trực tiếp đến việc đảm bảo ATVSLĐ cho người trực tiếp sản xuất trong quá trình lao động. Vì vậy kế hoạch ATVSLĐ (hay còn gọi là kế hoạch BHLĐ) cần phải được thực hiện một cách đồng loạt và tương ứng với yêu cầu đề ra và tổng thể của kế

hoạch sản xuất, phải dung hòa về vấn đề tài chính và thực hiện đồng bộ với kế hoạch sản xuất kinh doanh. Kế hoạch ATVSLĐ do NSDLĐ xây dựng và tổ chức thực hiện tốt kế hoạch ATVSLĐ. Kế hoạch ATVSLĐ phải được xây dựng từ tổ sản xuất (đơn vị nhỏ nhất) trở lên, đồng thời phải được phổ biến rộng rãi để mọi NLD tham gia ý kiến. Kế hoạch ATVSLĐ phải bao gồm tất cả nội dung, phương pháp, chi phí, thời gian hoàn thành, phân bổ tổ chức thực hiện. Kinh phí trong kế hoạch ATVSLĐ được đưa vào chi phí hoạt động thường niên, chi phí sản xuất của đơn vị. Nội dung của kế hoạch ATVSLĐ ít nhất phải có các nội dung sau: Biện pháp kỹ thuật an toàn lao động và phòng, chống cháy, nổ; Biện pháp về kỹ thuật vệ sinh lao động, phòng, chống yếu tố có hại và cải thiện điều kiện lao động; Trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân cho NLD; Chăm sóc sức khỏe NLD; Thông tin, tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện về ATVSLĐ .

Thứ sáu, tự kiểm tra ATVSLĐ

Theo Thông tư 07/2016/TT-BLĐTBXH: Việc tự kiểm tra ATVSLĐ của cơ sở nhằm giúp cho NSDLĐ, bộ phận làm công tác ATLĐ rà soát, nhận định các mặt làm được, các mặt còn thiếu sót, không đảm bảo quy định để khắc phục kịp thời. Do đó, NSDLĐ phải lập kế hoạch và tổ chức thực hiện việc tự kiểm tra định kỳ, đột xuất về ATVSLĐ tại cơ sở và được cụ thể hóa về nội dung, hình thức và thời hạn tự kiểm tra cụ thể do NSDLĐ quyết định.

+ Nội dung kiểm tra: Việc thực hiện các quy định về ATVSLĐ như: khám sức khỏe, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp; thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, bồi dưỡng bằng hiện vật, khai báo, Điều tra, thống kê TNLD; đánh giá nguy cơ rủi ro về ATVSLĐ; huấn luyện về ATVSLĐ; Hồ sơ, sổ sách, nội quy, quy trình và biện pháp an toàn, sổ ghi biên bản kiểm tra, sổ ghi kiến nghị; Việc thực hiện tiêu chuẩn, quy chuẩn, biện pháp an toàn đã ban hành; Tình trạng ATVSLĐ của các máy, thiết bị, nhà xưởng, kho tàng và nơi làm việc như: Che chắn tại các vị trí nguy hiểm, độ tin cậy của các cơ cấu an toàn, chống nóng, chống bụi, chiếu sáng, thông gió, thoát nước; Việc sử dụng, bảo quản trang bị phương tiện bảo vệ

cá nhân, phương tiện kỹ thuật phòng cháy chữa cháy, phương tiện cấp cứu y tế; Việc thực hiện các nội dung của kế hoạch ATVSLĐ; Việc thực hiện kiến nghị của các đoàn thanh tra, kiểm tra; Việc quản lý, thiết bị, vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động và việc kiểm soát các yếu tố nguy hiểm có hại; Kiến thức ATVSLĐ, khả năng xử lý sự cố và sơ cứu, cấp cứu của NLD; Việc tổ chức ăn uống bồi dưỡng, chăm sóc sức khỏe NLD; Hoạt động tự kiểm tra của cấp dưới, việc giải quyết các đề xuất, kiến nghị về ATVSLĐ của NLD; Trách nhiệm quản lý công tác ATVSLĐ và phong trào quần chúng về ATVSLĐ.

+ Hình thức kiểm tra: Kiểm tra tổng thể các nội dung về ATVSLĐ có liên quan đến quyền hạn của cấp kiểm tra; Kiểm tra chuyên đề từng nội dung kế hoạch ATVSLĐ; Kiểm tra sau đợt nghỉ sản xuất dài ngày; Kiểm tra trước hoặc sau mùa mưa, bão; Kiểm tra sau sự cố, sau sửa chữa lớn; Kiểm tra định kỳ để nhắc nhở hoặc chấm Điểm để xét duyệt thi đua; Các hình thức kiểm tra khác phù hợp với tình hình thực tế của cơ sở.

Thứ bảy, sơ kết, tổng kết, thống kê, báo cáo

Theo Điều 10 Thông tư 07/2016/TT - BLDTBXH: Việc thống kê, báo cáo về công tác ATVSLĐ, NSDLĐ phải tạo sổ thống kê các nội dung phải báo cáo về công tác ATVSLĐ. Các số liệu thống kê phải được lưu trữ theo quy định của pháp luật, làm căn cứ theo dõi, phân tích, đưa ra các chính sách, giải pháp đối với công tác ATVSLĐ; NSDLĐ phải báo cáo về công tác ATVSLĐ định kỳ hằng năm với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Y tế (trực tiếp hoặc bằng fax, bưu điện, thư điện tử) theo mẫu. Báo cáo phải gửi trước ngày 10 tháng 01 của năm sau. Cơ sở thực hiện sơ kết, tổng kết công tác ATVSLĐ, với các nội dung sau: phân tích kết quả, hạn chế, tồn tại và bài học kinh nghiệm; tổ chức khen thưởng đối với các đơn vị và cá nhân làm tốt công tác ATVSLĐ tại cơ sở sản xuất, kinh doanh; phát động các cuộc thi đua bảo đảm ATVSLĐ. Việc sơ kết, tổng kết phải được thực hiện từ cấp phân xưởng, tổ, đội sản xuất lên đến cơ sở sản xuất, kinh doanh

Thứ tám, các chế độ về bảo hộ lao động, chăm sóc sức khỏe NLD.

NLĐ trong quá trình làm việc phải được trang bị BHLĐ để đề phòng tai nạn, bệnh nghề nghiệp. Đây là biện pháp để bảo vệ NLĐ cũng như làm giảm tổn thất về vật chất cho cơ sở. Chế độ về bảo hộ lao động, chăm sóc sức khỏe NLĐ được thực hiện theo các quy định như sau:

** Khám sức khỏe và điều trị bệnh nghề nghiệp cho NLĐ*

Theo Điều 21- Luật An toàn, vệ sinh lao động, để đảm bảo sức khỏe NLĐ trong quá trình lao động sản xuất, hằng năm, NSDLĐ phải tổ chức khám sức khỏe ít nhất một lần cho NLĐ; đối với NLĐ làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, NLĐ là người khuyết tật, NLĐ chưa thành niên, NLĐ cao tuổi được khám sức khỏe ít nhất 06 tháng một lần. Ngoài ra, đối với lao động nữ phải được khám chuyên khoa phụ sản, người làm việc trong môi trường lao động tiếp xúc với các yếu tố có nguy cơ gây bệnh nghề nghiệp phải được khám phát hiện bệnh nghề nghiệp... Quy định chi tiết hoạt động khám sức khỏe, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp, điều trị bệnh nghề nghiệp cho NLĐ được quy định theo Thông tư 19/2019/TT-BYT.

** Cấp phát phương tiện bảo vệ cá nhân trong lao động*

Theo Thông tư 04/2014/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn việc thực hiện chế độ trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho NLĐ làm nghề, công việc có yếu tố nguy hiểm, độc hại, NLĐ làm công việc có yếu tố nguy hiểm (điện giật, ngã cao...), yếu tố có hại (bụi, khí độc...) được NSDLĐ cung cấp đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân và phải sử dụng trong quá trình làm việc. Việc trang bị bảo hộ lao động được xây dựng ngay trong kế hoạch ATVSLĐ của cơ sở. NSDLĐ thực hiện các giải pháp về công nghệ, kỹ thuật, thiết bị để loại trừ hoặc hạn chế tối đa yếu tố nguy hiểm (cấp quần áo bảo hộ lao động, găng tay, khẩu trang, giày bảo hộ lao động, mũ bảo hộ lao động ...), yếu tố có hại và cải thiện điều kiện lao động (tăng cường ánh sáng, thông gió, cải thiện nhiệt độ nơi làm việc...).

** Bồi dưỡng bằng hiện vật.*

Theo Điều 24 - Luật An toàn, vệ sinh lao động, NLD làm việc trong điều kiện nặng nhọc, nguy hiểm, có hại như làm việc trên cao, nóng, vi khí hậu không đảm bảo tiêu chuẩn, tiếp xúc yếu tố nguy hiểm như điện, từ trường cao thì được NSDLĐ bồi dưỡng bằng hiện vật. Bồi dưỡng bằng hiện vật như đường, sữa, thực phẩm dinh dưỡng nhằm đảm bảo nguyên tắc giúp tăng cường sức đề kháng và thải độc của cơ thể, đảm bảo thuận tiện, an toàn, vệ sinh thực phẩm. Việc bồi dưỡng bằng hiện vật thực hiện trong ca, ngày làm việc, trừ trường hợp đặc biệt do tổ chức lao động không thể tổ chức bồi dưỡng tập trung tại chỗ. Theo Thông tư 25/2013/TT-BLĐTBXH quy định việc bồi dưỡng bằng hiện vật gồm có bốn mức: mức 1 – 10.000 đồng; mức 2 – 15.000 đồng; mức 3 – 20.000 đồng; mức 4 – 25.000 đồng.

** Điều dưỡng phục hồi sức khỏe:*

Theo quy định tại Điều 26 Luật ATVSLĐ quy định việc điều dưỡng phục hồi sức khỏe cho NLD, cụ thể: Hằng năm, khuyến khích NSDLĐ tổ chức cho NLD làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, NLD làm nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và NLD có sức khỏe kém được điều dưỡng phục hồi sức khỏe.

** Quản lý sức khỏe NLD*

Theo quy định của pháp luật, NLD sau khi khám sức khỏe, được phân làm 05 loại, gồm loại I, II, III, IV, V. Căn cứ vào kết quả kiểm tra sức khỏe hàng năm này để sắp xếp công việc phù hợp cho NLD. Đồng thời, NSDLĐ có trách nhiệm lập và quản lý hồ sơ sức khỏe của NLD, hồ sơ sức khỏe của NLD bị BNN; thông báo kết quả khám sức khỏe, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp để NLD biết; hằng năm, báo cáo về việc quản lý sức khỏe NLD thuộc trách nhiệm quản lý cho cơ quan quản lý nhà nước về y tế có thẩm quyền (Sở Y tế, Trung tâm Y tế quận/huyện).

Thứ chín, trách nhiệm của NSDLĐ đối với NLD bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

Khi NLD xảy ra TNLD, bệnh nghề nghiệp, NSDLĐ phải thực hiện: Kịp thời sơ cứu, cấp cứu, tạm ứng chi phí sơ cứu, cấp cứu và điều trị cho; thanh toán chi phí y tế từ khi sơ cứu, cấp cứu; trả đủ tiền lương cho NLD bị TNLD, bệnh nghề nghiệp và phải bồi thường cho NLD bị TNLD mà không hoàn toàn do lỗi của chính người này gây ra và cho NLD bị bệnh nghề nghiệp với mức đã được quy định tại Điều 38 Luật an toàn vệ sinh lao động đồng thời, phải bồi thường, trợ cấp trong những trường hợp đặc thù khi NLD bị TNLD.

Thứ mười, vấn đề thông tin, tuyên truyền, giáo dục an toàn, vệ sinh lao động

Nội dung thông tin, tuyên truyền, giáo dục ATVSLĐ là một trong những nội dung của kế hoạch ATVSLĐ mà NSDLĐ phải tổ chức thực hiện. Việc thông tin, tuyên truyền, huấn luyện về ATVSLĐ có mục đích truyền tải đến tất cả NLD những thông tin, hiểu biết cần thiết, hướng dẫn cho họ những kỹ năng, nghiệp vụ, những kiến thức về khoa học kỹ thuật, về pháp luật để mọi đối tượng, đều phải biết chăm lo cải thiện điều kiện làm việc, phòng tránh TNLD, BNN. Hình thức thông tin tuyên truyền về ATVSLĐ cần phải đa dạng và phong phú: bài viết tuyên truyền, sinh hoạt chuyên đề, áp phích, hội thi, hội thao... Tổ chức huấn luyện về ATVSLĐ theo quy định của Luật ATVSLĐ, Nghị định 44/2016/NĐ-CP. NSDLĐ phải thông tin, tuyên truyền, giáo dục về ATVSLĐ, các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại và các biện pháp bảo đảm ATVSLĐ tại nơi làm việc cho NLD, kể cả cho người đến thăm, làm việc tại cơ sở của mình. Người quản lý phụ trách ATVSLĐ, người làm công tác ATVSLĐ, người làm công tác y tế, an toàn, vệ sinh viên trong cơ sở sản xuất, kinh doanh phải tham dự khóa huấn luyện ATVSLĐ và được tổ chức huấn luyện ATVSLĐ cấp giấy chứng nhận sau khi kiểm tra, sát hạch đạt yêu cầu.

1.2.2.4. Quy định về an toàn, vệ sinh lao động của Tập đoàn Bưu Chính Viễn thông Việt Nam

Căn cứ Luật ATVSLĐ và các văn bản hướng dẫn thi hành, căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Bưu Chính Viễn thông Việt Nam, ngày 6/6/2018, Tập đoàn Bưu Chính Viễn thông Việt Nam đã ban hành Quy định về ATVSLĐ với 6 Chương, 24 điều quy định rất đầy đủ về công tác ATVSLĐ, chính sách, chế độ đối với tập thể và cá nhân nhằm cải thiện điều kiện làm việc, ngăn ngừa TNLD, bệnh nghề nghiệp, bảo đảm an toàn, sức khỏe và quyền lợi cho NLD.

Theo đó, Tổng giám đốc Tập đoàn thành lập Hội đồng ATVSLĐ với nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và phù hợp với đặc điểm của Tập đoàn. Đối với các đơn vị, căn cứ vào quy mô, số lượng lao động, bố trí Tổ chuyên viên ATVSLĐ hoặc chuyên viên ATVSLĐ.

Các đơn vị, căn cứ vào quy mô, số lượng lao động tổ chức trạm y tế, cán bộ y tế. Đối với những đơn vị hoạt động phân tán thì phải phối hợp với các đơn vị trên địa bàn có cán bộ y tế hoặc hợp đồng với y tế địa phương để chăm sóc sức khỏe cho NLD.

Thủ trưởng đơn vị phải thành lập và ban hành quy chế hoạt động ATVSV, chịu trách nhiệm về công tác ATVSLĐ tại đơn vị, chăm sóc sức khỏe cho NLD, huấn luyện ATVSLĐ, phối hợp với Ban chấp hành công đoàn cơ sở tuyên truyền giáo dục cho NLD kiến thức về ATVSLĐ, thực hiện các biện pháp xử lý TNLD theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Quy chế cũng quy định trách nhiệm của Công đoàn cơ sở, NLD trong việc bảo đảm ATVSLĐ trong đơn vị

CHƯƠNG 2

THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG TẠI VIỄN THÔNG HẢI PHÒNG - MỘT SỐ KIẾN NGHỊ, GIẢI PHÁP

2.1. Giới thiệu về Viễn thông Hải Phòng

2.1.1. Thông tin chung về Viễn thông Hải Phòng

Viễn thông Hải Phòng (VNPT Hải Phòng) là đơn vị kinh tế trực thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, được thành lập theo quyết định số 633/QĐ-TCCB/HĐQT ngày 06-12-2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, có tư cách pháp nhân, chịu trách nhiệm trực tiếp trước pháp luật trong phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của mình. VNPT Hải Phòng là đơn vị trực thuộc Tập đoàn Bưu Chính Viễn Thông Việt Nam, có chức năng hoạt động sản xuất kinh doanh và phục vụ chuyên ngành Viễn Thông - Công nghệ thông tin như

sau: Tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành, lắp đặt, khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa mạng viễn thông cố định và di động trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của Viễn thông Hải Phòng

VTHP có các chức năng và nhiệm vụ sau:⁸

- Tổ chức quản lý và thực hiện quy hoạch, phát triển mạng lưới, thiết bị, dịch vụ viễn thông – công nghệ thông tin trên địa bàn Hải Phòng.

- Tổ chức xây dựng, lắp đặt, quản lý, vận hành, khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống trang thiết bị của mạng viễn thông – công nghệ thông tin trên địa bàn Hải Phòng.

- Tổ chức quản lý, vận hành, khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở hạ tầng trạm BTS VNP, tiếp nhận xử lý sự cố và ứng cứu thông tin cơ sở hạ tầng trạm BTS VNP; quản lý các hợp đồng nhà trạm, hợp đồng điện phục vụ trạm BTS VNP.

- Khảo sát, tư vấn, thiết kế, giám sát, lắp đặt, thi công, bảo dưỡng, xây dựng các hệ thống, công trình viễn Viễn thông, Công nghệ Thông tin và truyền thông.

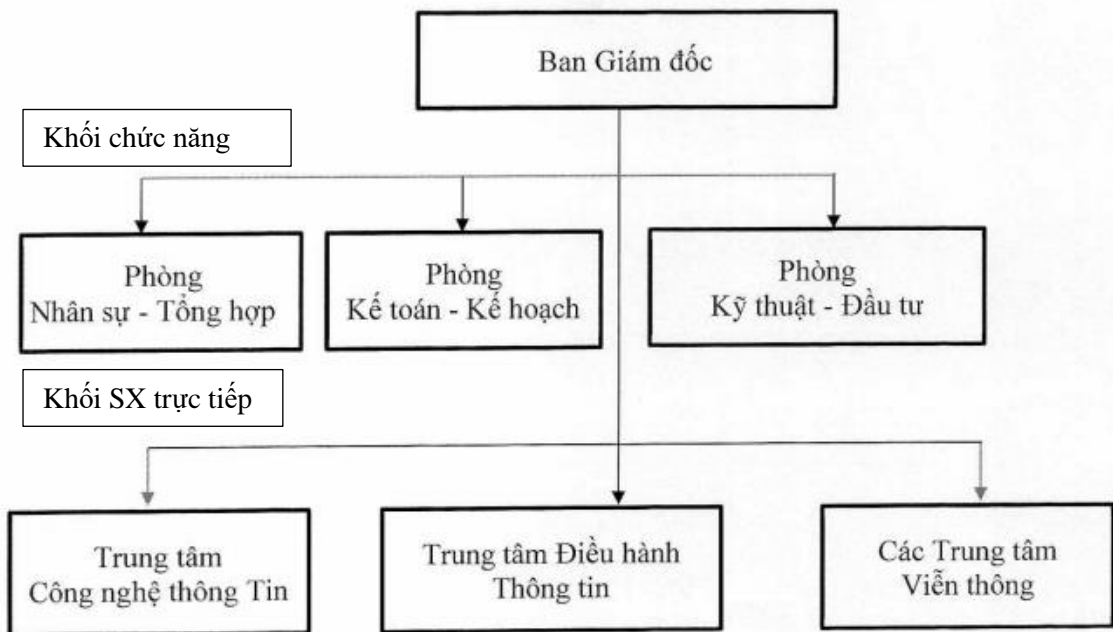
- Cung cấp dịch vụ viễn thông hệ I; tổ chức phục vụ thông tin đột xuất theo yêu cầu của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và của cấp trên.

- Kinh doanh các ngành nghề khác được VTHP cho phép và phù hợp với quy định của pháp luật.

2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động của Viễn thông Hải Phòng

Mô hình tổ chức chung

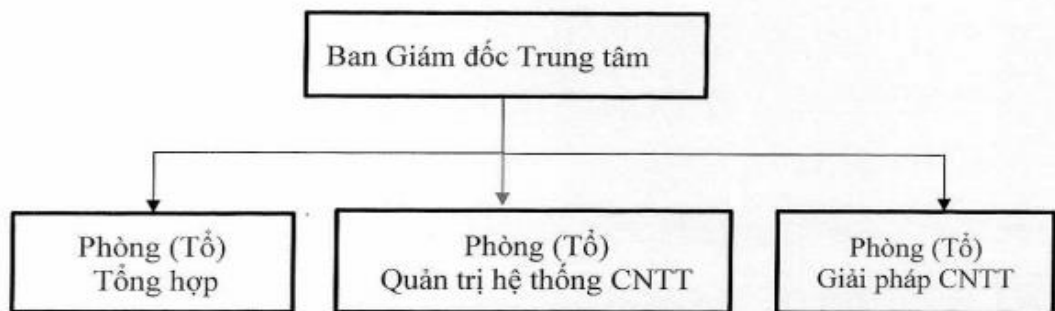
⁸ Quyết định số 1184/QĐ-VNPT-NL ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Tổng giám đốc Tập đoàn BCVT Việt Nam



Hình 2.1: Cơ cấu tổ chức⁹

Mô hình khối sản xuất trực tiếp (các Trung tâm CNTT, ĐHTT, VT)

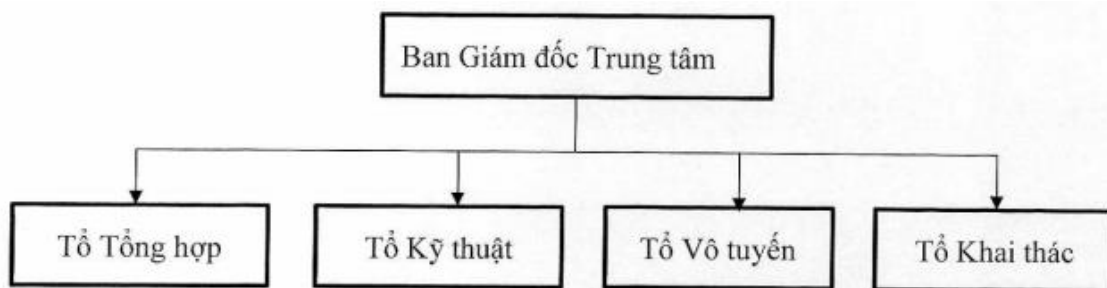
- Trung tâm CNTT:



Hình 2.1.2: Cơ cấu tổ chức TT CNTT

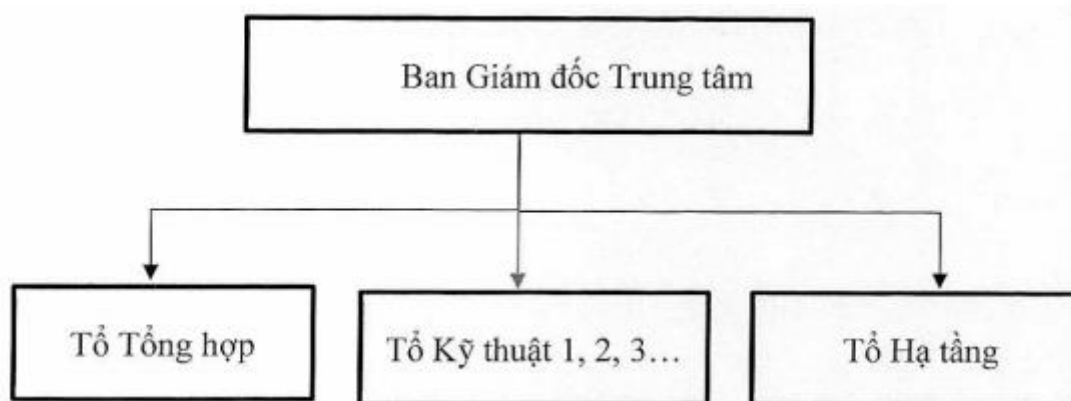
- Trung tâm Điều hành thông tin:

⁹ Quyết định số 1184/QĐ-VNPT-NL ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Tổng giám đốc Tập đoàn BCVT Việt Nam



Hình 2.1.3: Cơ cấu tổ chức TT Điều hành thông tin

- Trung tâm Viễn thông:



Hình 2.1.4: Cơ cấu tổ chức Trung tâm Viễn thông

2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật ATVSLĐ tại Viễn thông Hải Phòng.

Thứ nhất, VTHP đã ban hành Quy định về ATVSLĐ

Nhiệm vụ của VTHP thực hiện các công việc về hoạt động sản xuất kinh doanh và phục vụ ngành viễn thông - công nghệ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng, lực lượng lao động trực tiếp quản lý vận hành, duy tu, sửa chữa hệ thống mạng viễn thông, CNTT, cáp đồng, cáp quang, lắp đặt, vận hành các trạm thu phát sóng BTS. Theo Thông tư 06/2020/TT-BLĐTBXH ngày 20/8/2020 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, đây là công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ. Nhận thức rõ trách nhiệm trong việc bảo đảm ATVSLĐ, căn cứ vào Luật ATVSLĐ năm 2015, quy định ATVSLĐ của Tập đoàn Bưu Chính Viễn thông Việt Nam, ngày 05 tháng 11 năm 2018, VTHP đã ban hành Quy định về ATVSLĐ. Theo đó, VTHP thành lập bộ máy làm công tác ATVSLĐ gồm Hội đồng ATVSLĐ, chuyên viên phụ trách Hội đồng ATVSLĐ. Tại các đơn vị trực thuộc thành lập các Ban ATVSLĐ đơn vị trực thuộc, cán bộ phụ trách ATVSLĐ

đơn vị trực thuộc, mạng lưới an toàn vệ sinh viên. Ngoài việc ra quyết định thành lập, Quy định cũng nêu rõ thành phần, chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận. Cụ thể như sau:

- Hội đồng ATVSLĐ:

Thành phần Hội đồng ATVSLĐ:

- + Lãnh đạo VTHP là chủ tịch Hội đồng;
- + Đại diện BCH Công đoàn là Phó chủ tịch Hội đồng;
- + Các uỷ viên là các phòng, bộ phận: Nhân sự - Tổng hợp, Kế toán - Kế hoạch, Kỹ thuật Đầu tư;
- + Chuyên viên phụ trách ATVSLĐ là uỷ viên thường trực, kiêm thư ký Hội đồng;

Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng ATVSLĐ:

- + Tham gia tư vấn, phối hợp các hoạt động trong việc xây dựng quy chế quản lý, chương trình hành động, kế hoạch ATVSLĐ và các biện pháp ATVSLĐ, cải thiện điều kiện lao động, phòng ngừa TNLĐ và bệnh nghề nghiệp của VTHP.
- + Phối hợp giữa Hội đồng ATVSLĐ và Ban chỉ huy phòng cháy chữa cháy đơn vị nhằm thực hiện tốt công tác ATVSLĐ và công tác phòng cháy, chữa cháy tại VTHP.
- + Định kỳ 06 tháng và hàng năm tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện công tác ATVSLĐ tại đơn vị trực thuộc. Trong quá trình kiểm tra, nếu phát hiện thấy nguy cơ mất an toàn, có quyền yêu cầu đơn vị trực thuộc thực hiện các biện pháp loại trừ nguy cơ đó.
- + Chủ tịch hội đồng ATVSLĐ đơn vị quy định chế độ làm việc và Hội đồng và nhiệm vụ của các thành viên trong Hội đồng.

- Ban ATVSLĐ tại các đơn vị trực thuộc Viễn thông Hải Phòng:

Thành phần Ban ATVSLĐ các đơn vị trực thuộc gồm

- + Lãnh đạo đơn vị và Trưởng ban;
- + Đại diện BCH Công đoàn trực thuộc là phó ban;
- + Các uỷ viên là các bộ phận: Tổng hợp, kế toán, kỹ thuật nghiệp vụ.

+ Cán bộ phụ trách ATVSLĐ đơn vị là uỷ viên thường trực, kiêm thư ký Ban.

Nhiệm vụ của Ban ATVSLĐ:

+ Phối hợp với Hội đồng ATVSLĐ VTHP trong việc xây dựng các chương trình hành động, kế hoạch ATVSLĐ và các biện pháp ATVSLĐ, cải thiện điều kiện lao động, phòng ngừa TNLĐ và bệnh nghề nghiệp của đơn vị.

+ Phối hợp giữa Ban ATVSLĐ với đơn vị PCCC phụ trách địa bàn nhằm thực hiện tốt công tác ATVSLĐ và công tác phòng cháy, chữa cháy của đơn vị.

+ Thường xuyên kiểm tra tình hình công tác ATVSLĐ tại các Tổ sản xuất. Trong quá trình kiểm tra, nếu phát hiện thấy nguy cơ mất an toàn, có quyền yêu cầu thực hiện các biện pháp loại trừ nguy cơ đó.

Mạng lưới ATVSV: Tại VTHP, mạng ATVSV do Giám đốc VTHP quyết định thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Mạng lưới ATVSLĐ. Theo đó:

+ Mỗi tổ sản xuất phải có ít nhất 01 ATVSV kiêm nhiệm trong giờ làm việc.

+ ATVSV phải là NLD trực tiếp, am hiểu nghiệp vụ (chuyên môn và kỹ thuật ATVSLĐ), nhiệt tình và gương mẫu trong việc chấp hành các quy định ATVSLĐ và được NLD trong tổ bầu ra.

+ BCH Công đoàn VTHP quản lý và hướng dẫn hoạt động của mạng lưới ATVSV, phối hợp với chuyên môn tạo điều kiện nâng cao nghiệp vụ để ATVSV hoạt động hiệu quả.

Nhiệm vụ của ATVSV:

+ Đôn đốc, nhắc nhở, hướng dẫn các thành viên trong Tổ sản xuất chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về ATVSLĐ, bảo quản các thiết bị an toàn, phương tiện bảo vệ cá nhân.

+ Giám sát việc thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn, các quy trình, nội quy ATVSLĐ, phát hiện những thiếu sót, vi phạm về ATVSLĐ của NLD trong tổ sản xuất, phát hiện những trường hợp mất an toàn của máy, thiết bị.

+ Tham gia xây dựng kế hoạch ATVSLĐ, các biện pháp, phương án làm việc ATVSLĐ trong phạm vi tổ sản xuất; tham gia hướng dẫn biện pháp làm việc an toàn đối với NLD mới đến làm việc tại tổ.

Quyền hạn của ATVSV:

+ Được cung cấp thông tin đầy đủ về biện pháp mà NSDLĐ tiến hành để đảm bảo ATVSLĐ nơi làm việc.

+ Được dành một phần thời gian làm việc để thực hiện nhiệm vụ của ATVSV và được hưởng phụ cấp trách nhiệm như tổ trưởng sản xuất theo mức quy định của Nhà nước.

+ Yêu cầu NLD trong tổ ngừng làm việc để thực hiện các biện pháp bảo đảm ATVSLĐ, nếu thấy nguy cơ trực tiếp gây sự cố, TNLĐ.

+ Được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp hoạt động do Công đoàn và Chuyên môn phối hợp tổ chức.

- Thực hiện trách nhiệm của NSDLĐ, hàng năm VTHP đều triển khai việc xây dựng và thực hiện Kế hoạch ATVSLĐ theo quy định tại Điều 76 Luật ATVSLĐ.

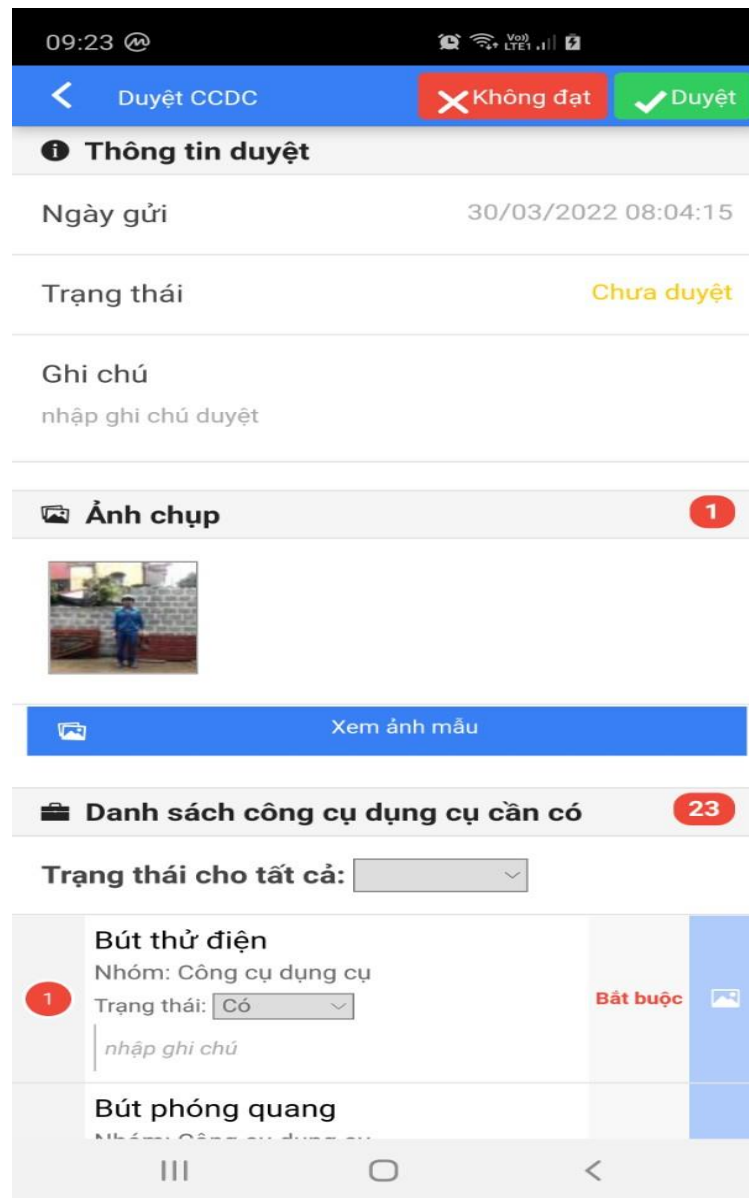
Ngoài ra, Quy định ATVSLĐ của VTHP cũng quy định quyền hạn, trách nhiệm của trưởng đơn vị, công đoàn, tổ trưởng sản xuất và NLD trong công tác ATVSLĐ. Quy định cũng đưa ra công tác tổ chức thực hiện ATVSLĐ tại VTHP, các biện pháp khen thưởng kỷ luật.

Có thể nói, việc ban hành Quy định ATVSLĐ của VTHP là sự cụ thể hóa quy định của pháp luật về ATVSLĐ, quy định của ngành bưu chính viễn thông, phù hợp với điều kiện của đơn vị. Việc ban hành Quy định ATVSLĐ của VTHP còn thể hiện sự nhận thức sâu sắc của VTHP trong việc bảo đảm ATVSLĐ cho NLD, thực hiện nghiêm túc pháp luật của Nhà nước, quy định của ngành trong việc đảm bảo tính mạng, sức khỏe cho NLD trong đơn vị.

Thứ hai, tổ chức kiểm tra (định kỳ, đột xuất), theo dõi, đôn đốc việc chấp hành các quy định pháp luật, các tiêu chuẩn, quy trình về công tác ATVSLĐ

Tăng cường kiểm tra ATVSLĐ tại hiện trường nơi làm việc ngay trước khi NLD bắt đầu công việc, kiểm tra nhà trạm viễn thông và phải có biên bản kiểm tra hoặc văn bản nhắc nhở, thực hiện kiến nghị:

+ Đầu mỗi buổi khi bắt đầu ca làm việc: đội ngũ nhân viên kỹ thuật thuộc VTHP đều được kiểm tra các công cụ dụng cụ, phương tiện bảo vệ cá nhân, chụp ảnh đầu giờ để báo cáo. Các Tổ trưởng sản xuất xác nhận đạt (đầy đủ công cụ dụng cụ- phương tiện bảo vệ cá nhân) thì nhân viên kỹ thuật đó mới được nhận nhiệm vụ triển khai công việc hàng ngày. Ngược lại, nếu không đạt (thiếu các công cụ dụng cụ- phương tiện bảo vệ cá nhân cần thiết) thì không được giao việc cụ thể, do đó, nhân viên kỹ thuật đó bắt buộc phải hoàn thành các quy định về ATVSLĐ của đơn vị.



Hình 2.2.1: Chức năng duyệt ảnh trên phần mềm VNPTCab của VNPT

Tăng cường giám sát việc thực hiện đúng quy định, quy trình và các biện pháp ATVSLĐ, đặc biệt là đối tượng lao động của bên được thuê/đối tác thực hiện thi công các công trình viễn thông mà đơn vị trực tiếp ký hợp đồng. Trong hợp đồng ký kết, phải có các điều khoản quy định trách nhiệm của đơn vị thi công, NLĐ phải được huấn luyện về ATVSLĐ và đã được cấp thẻ ATLĐ theo quy định. Các đơn vị gửi 01 bản phô tô của Hợp đồng đã ký với đơn vị thi công về phòng Nhân sự - Tổng hợp, phòng Kỹ thuật – Đầu tư để theo dõi, giám sát.

Trong trường hợp các đối tác/đơn vị khác được phép thi công tại công trình viễn thông của đơn vị quản lý, phải yêu cầu NLĐ xuất trình thẻ ATLĐ còn thời hạn trước khi thực hiện nhiệm vụ, đặc biệt là các lao động làm việc trên cao. Đơn

vị tuyệt đối không cho phép NLD thực hiện nhiệm vụ nếu không có thẻ ATLD. Khi NLD xuất trình thẻ ATLD, cán bộ giám sát trực tiếp phải chụp ảnh và lưu trữ thông tin về thẻ của NLD tối thiểu 01 tuần sau khi NLD kết thúc công việc.



Hình 2.2.2: Mẫu thẻ an toàn lao động của VNPT

Thứ ba, các hoạt động đầu tư trang thiết bị, trang bị bảo hộ lao động:

Về nội dung này, VTHP đang triển khai rất đầy đủ và chi tiết. VTHP giao cho phòng nhân sự tổng hợp chủ động lập kế hoạch trang bị, tổ chức mua sắm bảo hộ lao động, thiết bị an toàn cho NLD phục vụ công tác sản xuất kinh doanh theo đúng quy định của Luật ATVSLĐ, Thông tư 04/2014/TT-BLĐTBXH.

Trong năm 2020, chi phí mua sắm bảo hộ lao động trong VTHP khoảng 1.100.506.000 đồng.

Kế hoạch trang bị BHLĐ gồm các nội dung:

- Quần áo BHLĐ, găng tay vải bảo hộ, giày bảo hộ, kính bảo hộ.
- Các trang bị an toàn: găng tay cách điện hạ thế, trung thế; bút thử điện...
- Các dụng cụ đồ nghề phục vụ công tác: dây da an toàn, thang nhôm...

Nhận xét: VTHP đã thực tốt việc trang bị BHLĐ cho NLD theo Thông tư 04/2014/TT-BLĐTBXH.

KẾ HOẠCH TRANG BỊ PHƯƠNG TIỆN BẢO VỆ CÁ NHÂN

(Kèm theo Công văn số 53 /VNPT-HP-NSTH ngày 14 tháng 01 năm 2020)

TT	Tên trang bị	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Đơn giá chưa VAT	Kinh phí (đồng)	Ghi chú
1	Mũ bảo hiểm xe máy	Cái	210	235,000	49,350,000	VNPT-HP trang cấp
2	Mũ cứng BHLĐ	Chiếc	332	55,000	18,260,000	Hồng đổi
3	Kính chống bụi	Cái	364	45,000	16,380,000	Hồng đổi
4	Khẩu trang	Cái	1406	7,000	9,842,000	Cấp theo quý
5	Găng tay vải sợi	Đôi	1530	12,000	18,360,000	Cấp theo quý
6	Găng tay vải bạt	Đôi	684	6,000	4,104,000	Cấp theo quý
7	Găng tay cách điện	Đôi	26	250,000	6,500,000	Hồng đổi
8	Quần áo mưa	Bộ	399	255,000	101,745,000	Cấp theo năm
9	Dây an toàn	Cái	167	180,000	30,060,000	Hồng đổi
10	Giày BHLĐ	Đôi	395	275,000	108,625,000	Cấp theo năm
11	Giày vải đế kép	Đôi	27	65,000	1,755,000	Cấp theo năm
12	Dép xốp	Đôi	151	18,000	2,718,000	Cấp theo năm
13	Ủng cao su	Đôi	16	77,000	1,232,000	Hồng đổi
14	Ủng cách điện	Đôi	12	260,000	3,120,000	Hồng đổi
15	Túi dụng cụ	Cái	165	240,000	39,600,000	2 năm cấp 1 lần
16	Túi dụng cụ treo cao	Cái	32	160,000	5,120,000	2 năm cấp 1 lần
17	Xà phòng	Kg	1185	45,000	53,325,000	Cấp theo tháng
18	Găng tay chống axit	Đôi	2	30,000	60,000	Hồng đổi
19	Ủng chịu axit	Đôi	2	150,000	300,000	Hồng đổi
20	Nút tai chống ồn	Đôi	5	10,000	50,000	Hồng đổi
21	Quần áo đồng phục, BHLĐ	Cái			630,000,000	VNPT-HP trang cấp
Tổng					1,100,506,000	

Hình 2.2.3: Kế hoạch trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân

Thứ tư, công tác tuyên truyền giáo dục, đề xuất và tham gia việc tổ chức bồi huấn, huấn luyện, sát hạch định kỳ, đột xuất về công tác an toàn; đề xuất các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức nghiệp vụ về công tác an toàn cho NLĐ của VTHP

- Đối với công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục ATVSLĐ tại VTHP:

+ Hằng tuần, các đơn vị trực thuộc đều tổ chức sinh hoạt an toàn cho NLD khỏi sản xuất trực tiếp, khi đó bộ máy an toàn sẽ phổ biến rút kinh nghiệm những vụ TNLD, các biện pháp đảm bảo an toàn khi thi công; lắng nghe tâm tư, kịp thời tháo gỡ khó khăn và giải đáp thắc mắc cho người công nhân, nhằm giúp họ tăng kiến thức về quy định pháp luật và chuyên môn, cũng như cởi bỏ sự căng thẳng (nếu có) trong quá trình lao động.

+ Tất cả các đơn vị trực thuộc VTHP đã treo/dán ở xe, bảng công trường đi động, trụ sở khẩu hiệu an toàn “An toàn là trên hết” tại nơi làm việc.

+ Tổ chức thực hiện hội thi, hội thao về công tác ATVSLĐ.

+ Dán tranh ảnh, áp phích, pano cổ động chấp hành quy trình, quy định an toàn tại các khu vực làm việc

+ Xây dựng các phong trào thi đua an toàn “ngày/tuần/ tháng không có TNLD”

+ Tổ chức cho NLD viết các bản tự cam kết về an toàn đối với bản thân.

- Công tác huấn luyện ATVSLĐ theo Nghị định 44/2016/NĐ-CP, VTHP đã triển khai và tổ chức huấn luyện ATVSLĐ cho NLD theo đúng quy định pháp luật. Kết quả cụ thể VTHP đã triển khai như sau:

+ Tổ chức Huấn luyện định kỳ ATVSLĐ-PCCN cho cán bộ quản lý (Nhóm 1);

+ Tổ chức Huấn luyện định kỳ ATVSLĐ-PCCN cho CNV và NLD (Nhóm 2: phụ trách công tác ATVSLĐ các đơn vị; Nhóm 3: Nhân viên kỹ thuật viễn thông (bao gồm cả Lao động dịch vụ và Cộng tác viên); Nhóm 4: Nhân viên bảo vệ, tạp vụ và một số trường hợp chưa tham dự huấn luyện).

+ Huấn luyện nghiệp vụ cho đội PCCC cơ sở.

**KẾ HOẠCH TUYÊN TRUYỀN GIÁO DỤC, HUẤN LUYỆN VỀ
AN TOÀN - VỆ SINH LAO ĐỘNG**
(Kèm theo Công văn số 59 /VNPT-HP-NSTH ngày 14 tháng 01 năm 2020)

TT	Nội dung công việc	Kinh phí (đồng)	Phân công thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Tổ chức Hội nghị tổng kết năm và triển khai công tác BHLĐ năm tiếp theo		VNPT-HP	
2	Tổ chức Huấn luyện định kỳ ATVSLĐ-PCCN cho cán bộ quản lý		VNPT-HP	
3	Tổ chức Huấn luyện định kỳ ATVSLĐ-PCCN cho CNV và NLĐ	80,500,000	VNPT-HP	Quý 2
4	Huấn luyện ATVSLĐ-PCCN cho lao động mới	2,000,000	Trung tâm	Trong năm
5	Huấn luyện nghiệp vụ cho ATVSV, cán bộ Công đoàn		VNPT-HP	
6	Huấn luyện nghiệp vụ cho đội PCCC cơ sở		VNPT-HP	
7	Tổ chức triển khai các hoạt động chào mừng và hưởng ứng Tháng hành động về ATVSLĐ	18,000,000	VNPT-HP + Trung tâm	Quý 2
8	Mua, in ấn tài liệu BHLĐ	5,000,000	VNPT-HP	Quý 2
Tổng		105,500,000		

Hình 2.2.4: Kế hoạch tuyên truyền giáo dục, huấn luyện về ATVSLĐ

Thứ năm, công tác chăm lo sức khỏe người lao động

Tuân thủ Luật ATVSLĐ năm 2015, Thông tư 19/2016/TT-BYT, VTHP đã ban hành quy định thực hiện công tác quản lý, chăm sóc sức khỏe cho NLĐ. Nội dung thực hiện như sau:

- Tổ chức kiểm tra sức khỏe cho toàn thể NLĐ theo quy định hàng năm/1 lần.

- Tổ chức khám bệnh nghề nghiệp cho NLĐ có sức khỏe loại 4, 5 làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt, nặng nhọc, độc hại; cập nhật hồ sơ quản lý sức khỏe NLĐ sau từng đợt khám sức khỏe, khám bệnh nghề nghiệp theo đúng quy định.

- Thực hiện báo cáo quản lý sức khỏe hàng 6 tháng/01 lần về Sở Y tế theo quy định pháp luật.

Theo số liệu báo cáo năm 2019 của VTHP: Đơn vị đã phối hợp với Bệnh viện Bưu điện tổ chức khám sức khỏe định kỳ vào tháng 08/2019 cho 403

CBCNV, còn 09 nhân viên chưa khám định kỳ do đang điều trị bệnh tại bệnh viện, nghỉ phép, nghỉ thai sản... Sau đợt kiểm tra định kỳ, một số CBCNV đã phát hiện ra bệnh và đã đi điều trị bệnh kịp thời. Kết quả phân loại sức khỏe như sau:

- + Sức khỏe loại I: 01 người, chiếm tỉ lệ 0,2%;
- + Sức khỏe loại II: 347 người, chiếm tỉ lệ 86,1%;
- + Sức khỏe loại III: 52 người, chiếm tỉ lệ 13%;
- + Sức khỏe loại IV: 03 người, chiếm tỉ lệ 0,7%.

Tính đến hết tháng 11/2019, VTHP đã thực hiện chế độ điều dưỡng phục hồi sức khỏe, phục hồi chức năng, nghỉ điều dưỡng trước nghỉ hưu cho 23 CBCNV tại Trung tâm Điều dưỡng và Chăm sóc sức khỏe Bưu điện.

Việc quản lý hồ sơ sức khỏe của NLD và hồ sơ vệ sinh lao động của đơn vị được theo dõi, thực hiện đầy đủ.

Kế hoạch chăm sóc sức khỏe NLD năm 2020 như sau:

KẾ HOẠCH CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI LAO ĐỘNG					
<i>(Kèm theo Công văn số 59 /VNPT-HP-NSTH ngày 14 tháng 01 năm 2020)</i>					
I - Khám sức khỏe, phát hiện bệnh nghề nghiệp					
TT	Nội dung công việc	Số người	Kinh phí (đồng)	Phân công thực hiện	Thời gian
1	Khám sức khỏe định kỳ	520	416,000,000	VNPT-HP	Quý 2
2	Khám sức khỏe tuyển dụng		-		
3	Điều dưỡng và phục hồi chức năng		-		
Tổng			416,000,000		

Hình 2.2.5: Kế hoạch chăm sóc sức khỏe người lao động

Thứ sáu, thực hiện chế độ tự kiểm tra an toàn vệ sinh lao động

Thực hiện quy định tự kiểm tra ATVSLĐ theo Thông tư 07/2016/TT-BLĐTBXH, VTHP tổ chức tự kiểm tra ATVSLĐ hàng năm.

VTHP là đơn vị hoạt động trong ngành nghề có yếu tố nghiêm ngặt về ATVSLĐ, nên tổ chức kiểm tra toàn diện ATVSLĐ ít nhất 01 lần trong 06 tháng ở cấp VTHP.

VTHP đã tổ chức kiểm tra việc triển khai các kế hoạch, chương trình, chỉ đạo về công tác ATVSLĐ tại VTHP và các đơn vị trực thuộc nhằm đánh giá, củng cố công tác quản lý ATVSLĐ, ngăn ngừa TNLĐ.

Kết quả cụ thể công tác kiểm tra ATVSLĐ 06 tháng đầu năm 2020 tại VTHP như sau:

- Công tác an toàn nhà trạm, vệ sinh lao động, thực hiện phong trào 5S : các trung tâm đã có tiến triển tốt, nhà trạm văn phòng tổ vệ sinh sạch sẽ, gọn gàng. - Tổ An Dương 2 và Tổ Hải An 2: đã thực hiện sắp xếp bố trí, sửa sang lại văn phòng Tổ.

- Kiểm tra việc quản lý và sử dụng CCDC, PTBVVN của 16 NVKT: CCDC và PTBVVN tương đối đầy đủ và đảm bảo chất lượng. Tuy nhiên, có 1 vài nhân viên không thấy có gắng tay và thang nhôm rút.

- TTVT4, TTVT6 công tác tự kiểm tra từ cấp Trung tâm đến cấp Tổ thực hiện đầy đủ, ghi chép sổ rõ ràng.

- Việc cấp phát bồi dưỡng độc hại: TTĐHTT, TTVT6 (Tổ Dương Kinh), TTVT3 thực hiện đầy đủ vào các quý 2

Một số tồn tại:

- TTVT5, TTVT6 vẫn còn thang tre cũ, hỏng không đảm bảo an toàn ở trong nhà trạm (Tổ Đồ Sơn – TTVT6), Trạm Tân Liên, Trạm Chợ Cầu – TTVT5.

- Tại thời điểm kiểm tra: trạm BTS Đoàn 295 – TTVT6 nhiệt độ trong phòng cao do hỏng điều hòa của bên Mobiphone. Trạm Cửa Cấm (TTVT4) thời điểm kiểm tra nhà trạm có nhiều vật tư cũ hỏng, vật dụng không sử dụng nhưng đã khắc phục ngay hôm sau và chụp ảnh báo cáo về Viễn thông.

- Cho người dân sử dụng nhà trạm, vệ sinh xung quanh nhà trạm không được dọn dẹp, tập trung nhiều rác thải (Trạm Lâm Động – TTVT2).

- Việc cấp phát bồi dưỡng độc hại chưa kịp thời, không đầy đủ cho NLĐ: TTVT2, TTVT1, TTVT4, TTVT5.

- Việc lập phương án, biện pháp thi công an toàn vẫn chưa được các đơn vị chú trọng thực hiện. Tổ Thủy Nguyên 3 có nhóm xử lý sự cố cháy cấp nhưng Tổ không xây dựng phương án/ biện pháp thi công an toàn.

- Việc chụp ảnh xét duyệt công cụ dụng cụ trước ca làm việc: nhiều nhân viên chụp ảnh không thấy có gắng tay và trong khi thực hiện công việc được giao cũng không sử dụng gắng tay bảo hộ (Tổ Kỹ thuật – TTĐHTT).

Thứ bảy, công tác sơ kết, tổng kết

Hàng năm, việc thực hiện sơ kết, tổng kết công tác ATVSLĐ được VTHP thực hiện như sau:

- Thực hiện sơ kết vào tháng 07 hàng năm, tổng kết vào tháng 11 hàng năm. Nội dung thực hiện sơ, tổng kết: kết quả thực hiện, phân tích hạn chế, tồn tại và bài học kinh nghiệm; tổ chức khen thưởng đối với các đơn vị và cá nhân làm tốt công tác ATVSLĐ tại cơ sở sản xuất, kinh doanh; phát động phong trào thi đua bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động.

Thứ tám, triển khai, hướng dẫn, thực hiện đánh giá rủi ro công tác an toàn, bao gồm xác định mối nguy hiểm, đánh giá mức độ rủi ro, đề xuất các giải pháp kiểm soát, giảm thiểu rủi ro

Công tác đánh giá rủi ro là một trong những công tác quan trọng, thực hiện liên tục và thường xuyên trong suốt quá trình hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, nhằm giúp kịp thời phát hiện các yếu tố nguy hiểm, độc hại và từ đó có giải pháp xử lý ngăn ngừa, đảm bảo an toàn cho NLĐ. Do đó, trong kế hoạch ATVSLĐ hàng năm của VTHP, công tác này là không thể thiếu, được lập thành chương trình riêng và thực xuyên suốt cả năm.

VTHP xác định việc đánh giá rủi ro về ATVSLĐ là nội dung yêu cầu bắt buộc đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh.

VTHP giao phòng Kế toán Kế hoạch chủ trì phối hợp với các phòng ban chức năng và đơn vị trực thuộc lập kế hoạch triển khai đánh giá rủi ro về ATVSLĐ định kỳ hàng năm. Trong đó, thực hiện các nội dung sau:

- Rà soát, cập nhật các mối nguy hiểm phát sinh trong quá trình quản lý - vận hành:

+ Phân tích đặc điểm điều kiện lao động, quy trình làm việc;

+ Kiểm tra thực tế hiện trường;

+ Ý kiến phản hồi của NLĐ;

+ Xem xét các tài liệu, hồ sơ về ATVSLĐ như biên bản kiểm tra các cấp, biên bản thanh tra, kết quả quan trắc môi trường, kết quả khám sức khỏe...

- Phân loại các mối nguy hiểm và mức độ ảnh hưởng của từng mối nguy hiểm;

- Nhận diện các hành vi mất an toàn của NLĐ như phớt lờ; đối phó; liều lĩnh; rối loạn; thụ động...;

- Nhận diện và cập nhật các yếu tố liên quan đến mối nguy như: con người; vật liệu; môi trường; thiết bị;

- Đề ra các biện pháp kiểm soát mối nguy.

Thứ chín, báo cáo công tác ATVSLĐ, TNLĐ hàng năm

Chế độ báo cáo công tác ATVSLĐ, TNLĐ trong VTHP theo quy định pháp luật cho cơ quan quản lý nhà nước (Sở LĐTBXH Hải Phòng), thực hiện quy định pháp luật (Nghị định 39/2016/NĐ-CP và Thông tư 07/2016/TT-BLĐTBXH), VTHP đã thực hiện đầy đủ các báo cáo định kỳ về ATVSLĐ (01 năm/ 01 lần), TNLĐ (06 tháng/ 01 lần) theo mẫu quy định.

Ngoài ra, theo quy định tại Điều 10 Thông tư 19/2016/TT-BYT quy định VTHP đã thực hiện chế độ báo cáo hàng 6 tháng (báo cáo trước ngày 05 tháng 7 hằng năm) và hàng năm (báo cáo trước ngày 10 tháng 01 năm tiếp theo đối với báo cáo năm) cho Trung tâm y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nơi đặt trụ sở chính của cơ sở lao động.

Thứ mười, công tác khai báo, báo cáo, điều tra TNLĐ, sự cố kỹ thuật

* Thống kê tình hình TNLD trong VTHP trong 05 năm gần đây:¹⁰

+ Tai nạn té ngã do trèo cao (trèo cột, mái nhà...): Đã xảy ra TNLD gây chết 01 người trong năm 2017, 01 người năm 2018, thương tật nặng 01 người năm 2018.

+ Tai nạn giao thông trên đường làm việc: Đã xảy ra TNLD gây chết 01 người trong năm 2017, 01 người thương tật năm 2018.

+ Tai nạn do điện giật: 02 thương tật nặng trong năm 2019.

+ Năm 2021 để xảy ra 02 vụ TNLD làm bị thương 02 người: một vụ NLD đưa xe máy để cất đồ đạc vào trong nhà trạm, xe bị trượt đổ ra, đè lên người làm bị thương ở chân; một vụ NLD ngã thang khi đang thi công dây thuê bao quang bị chân thương cột sống

*** Xử lý khi xảy ra TNLD:**

Thực hiện quy định tại Điều 10 NĐ 39/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 5 năm 2016 hướng dẫn thi hành Luật ATVSLĐ về khai báo TNLD, VTHP thực hiện như sau:

- Khai báo, báo cáo TNLD:

+ Khi xảy ra TNLD, người bị TNLD hoặc người biết sự việc (người trực tiếp chứng kiến sự việc, người nhận được tin báo) phải báo ngay cho lãnh đạo cấp trên trực tiếp hoặc bộ phận phụ trách ATVSLĐ để kịp thời xử lý và khai báo theo quy định.

+ Trường hợp TNLD làm chết người hoặc TNLD làm bị thương nặng 01 NLD trở nên, VTHP phải báo cáo cho Tập đoàn bằng cách nhanh nhất trong vòng 02 ngày kể từ lúc tai nạn xảy ra.

+ Khi xảy ra TNLD chết người, TNLD làm bị thương nặng 02 người trở lên thì VTHP phải khai báo bằng cách nhanh nhất với thanh tra Sở lao động – Thương binh và xã hội, cơ quan công an nơi xảy ra tai nạn và Tập đoàn.

¹⁰ Báo cáo công tác ATVSLĐ của VTHP năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021

+ Trường hợp TNLĐ làm chết người hoặc bị thương nặng đối với NLD không theo hợp đồng lao động phải khai báo ngay với UBND xã, phường, thị trấn nơi xảy ra TNLĐ để kịp thời có biện pháp xử lý.

- Thành lập Đoàn điều tra TNLĐ:

+ Giám đốc VTHP thành lập ngay Đoàn Điều tra TNLĐ cấp cơ sở khu biết tin xảy ra TNLĐ nhẹ hoặc TNLĐ làm bị thương nặng 01 người thuộc thẩm quyền quản lý của mình.

+ Đối với TNLĐ xảy ra tại nơi thuộc thẩm quyền quản lý của VTHP, nhưng nạn nhân là NLD thuộc thẩm quyền quản lý của NSDLĐ khác thì VTHP sẽ có trách nhiệm thành lập Đoàn điều tra TNLĐ cấp cơ sở, đồng thời mời đại diện NSDLĐ của nạn nhân tham gia Đoàn điều tra.

Thứ mười một, thực hiện chính sách, chế độ đối với NLD bị TNLĐ

VTHP thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ đối với NLD bị TNLĐ theo đúng quy định của pháp luật về ATVSLĐ. Cụ thể như sau:

- Tổ chức thăm hỏi, động viên gia đình CBCNV bị TNLĐ theo danh sách gửi kèm (01 gói quà trị giá 200.000 đồng + 500.000 đồng/người) và thanh quyết toán chi phí với VTHP.

PHỤ LỤC 2
DANH SÁCH THĂM HỎI, TẶNG QUÀ GIA ĐÌNH CBCNV NHÂN DỊP THÁNG
HÀNH ĐỘNG ATVSLĐ NĂM 2020
(Kèm theo Văn bản số /VNPT-HP-NSTH ngày / /2020)

TT	Họ và tên	Nơi công tác	Bộ phận	Đối tượng	Năm bị TNLD
1	Đỗ Quang Bắc	TTVT1	Tổ KT Hồng Bàng	CBCNV	2017
2	Đỗ Văn Mạnh	TTVT2	Tổ Kỹ thuật Thủy Nguyên 3	CBCNV	2017
3	Phạm Ngọc Dũng	TTVT2	Tổ Tổng hợp	CBCNV	2018
4	Phạm Biên Cương	TTVT3	Tổ An Lão	LĐDV	2019
5	Nguyễn Văn Tiến	TTVT3	Tổ An Lão	LĐDV	2019
6	Đỗ Xuân Nam	TTVT4	Tổ Cát Bà	LĐ DV	2018
7	Dương Thọ Tùng Linh	TTVT4	Tổ Ngô Quyền 1	CBCNV	2019

Hình 2.2.6: Danh sách thăm hỏi, tặng quà gia đình CBCNV

- Bố trí công việc cho người bị TNLD phù hợp với sức khỏe và điều kiện làm việc của từng NLĐ.

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ, GIẢI PHÁP

3.1. Một số tồn tại hạn chế trong công tác bảo đảm ATVSLĐ tại VTHP

Trên cơ sở khảo sát thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật nói chung, quy định của ngành Bưu chính viễn thông về ATVSLĐ cho thấy VTHP đã thực hiện rất nghiêm túc các quy định về ATVSLĐ đối với NLĐ, hạn chế thấp nhất TNLD, bệnh nghề nghiệp cho NLĐ. Tuy nhiên, bên cạnh đó, việc thực hiện các quy định ATVSLĐ tại VTHP vẫn còn tồn tại một số hạn chế như sau:

Thứ nhất, số vụ TNLĐ vẫn còn xảy ra hàng năm: Tai nạn té ngã do trèo cao (trèo cột, mái nhà...): gây chết 01 người trong năm 2017, 01 người năm 2018, thương tật nặng 01 người năm 2018. Tai nạn giao thông trên đường làm việc: đã xảy ra TNLĐ gây chết 01 người trong năm 2017, 01 người thương tật năm 2018. Tai nạn do điện giật: 02 thương tật nặng trong năm 2019. Năm 2021 để xảy ra 02 vụ TNLĐ làm bị thương 02 người: một vụ NLĐ đưa xe máy để cất đồ đạc vào trong nhà trạm, xe bị trượt đồ ra, đè lên người làm bị thương ở chân; một vụ NLĐ ngã thang khi đang thi công dây thuê bao quang bị chân thương cột sống.¹¹

Thứ hai, việc triển khai cấp phát bồi dưỡng bằng hiện vật thực hiện vẫn còn mang tính hình thức, thực hiện cấp phát theo quý, chưa đúng theo hướng dẫn tại Thông tư 25/2013/TT-BLĐTBXH.

Thứ ba, việc khám chữa bệnh chưa tập trung vào những bệnh liên quan đến đặc thù nghề nghiệp mà chủ trọng vào việc khám chữa bệnh tổng quát.

Qua phân tích và đánh giá từ thực tiễn áp dụng pháp luật về ATVSLĐ tại VTHP, việc tồn tại những hạn chế trên, theo tác giả xuất phát từ những nguyên nhân sau:

- NLĐ ngoài công việc chuyên môn còn được giao nhiều nội dung công việc liên quan đến mảng kinh doanh và phải chịu áp lực về tiến độ công việc, đảm bảo thời gian xử lý theo quy định. Do đó, NLĐ nhiều khi không chấp hành nghiêm chỉnh, đầy đủ các quy định về ATVSLĐ. Đây là một trong những nguyên nhân chính gây mất an toàn lao động.

- Lực lượng lao động so với định biên còn thiếu nên cường độ làm việc của NLĐ quá tải cũng ảnh hưởng đến sức khỏe làm việc và chất lượng công việc. Độ tuổi lao động trung bình của NLĐ trong VTHP cao, sức khỏe yếu trong đó lực lượng lao động trẻ đa số là lao động thuê ngoài nên quá trình làm việc không lâu dài, tính ổn định không cao.

¹¹ Báo cáo công tác ATVSLĐ của VTHP năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021

- Môi trường lao động của NLD có nhiều yếu tố gây mất an toàn, địa bàn rộng, trong khi đó lực lượng ATVSV mỏng nên ATVSV không thể theo dõi, giám sát hết NLD trong tổ, chỉ nhắc nhở kiểm tra đầu giờ. Việc bố trí phân công, giao nhiệm vụ cho NLD tại tổ sản xuất luôn có sự thay đổi, cho nên cũng gây khó khăn trong việc theo dõi và quản lý công tác ATVSLĐ.

- Một số NLD ý thức chưa cao, không sử dụng đầy đủ các phương tiện bảo vệ cá nhân đã được trang cấp, không đánh giá được mức độ rủi ro khi thực hiện công việc.

- Vai trò của Ban chấp hành công đoàn cơ sở còn mờ nhạt trong việc hướng dẫn bộ phận ATVSV đôn đốc, nhắc nhở, hướng dẫn NLD trong tổ chấp hành nghiêm chỉnh quy định về ATVSLĐ. Việc tổ chức cho NLD tham gia hoạt động cải thiện điều kiện lao động, xây dựng văn hóa an toàn lao động tại nơi làm việc còn ít.

3.2. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả pháp luật về an toàn vệ sinh lao động

3.2.1 Đối với Viễn thông Hải Phòng

Thứ nhất, VTHP cần tăng thêm số lượng ATVSV, đồng thời xem xét bố trí làm việc chuyên trách để nâng cao vai trò giám sát cũng như triển khai thực hiện các phương án về ATVSLĐ của đơn vị.

Thứ hai, tăng cường công tác thanh kiểm tra các cấp tại hiện trường sản xuất đối với NLD sản xuất trực tiếp. Đặc biệt tại các đơn vị trực thuộc cần chủ động lập kế hoạch kiểm tra công tác ATVSLĐ tại các Tổ sản xuất, kiểm tra việc quản lý, sử dụng PTBVCN, CCDC của tập thể cũng như của cá nhân theo các quy trình, quy định hiện hành và báo cáo về VTHP theo quy định.

Thứ ba, VTHP cần ban hành thêm các chế tài đủ sức răn đe đối với việc triển khai công tác ATVSLĐ để NLD nắm rõ, ý thức phòng ngừa TNLD cho chính mình cũng như cho đồng nghiệp khác. Bên cạnh đó cũng ban hành thêm cơ chế khen thưởng cho các đơn vị trực thuộc, các tổ sản xuất thực hiện nghiêm các nội quy, quy định về ATVSLĐ, phòng chống cháy nổ.

Thứ tư, VTHP khi phải xử lý người vi phạm thì cũng xem xét xử lý cả những cá nhân liên đới như ATVSV hay các Tổ trưởng SX trong việc thiếu giám sát đối với NLĐ để xảy ra lỗi vi phạm về ATVSLĐ.

Thứ năm, các phòng chuyên môn và công đoàn cơ sở VTHP cần triển khai nhiều hoạt động thiết thực hơn nữa như tổ chức cho NLĐ tham gia hoạt động cải thiện điều kiện lao động, xây dựng văn hóa an toàn lao động tại nơi làm việc. Phát động phong trào thi đua đảm bảo an toàn lao động trong sản xuất.

Thứ sáu, nâng cao chất lượng công tác khám chữa bệnh cho NLĐ, đặc biệt nên chú trọng vào một số bệnh nghề nghiệp có tính chất đặc thù với ngành viễn thông để khám chuyên sâu, mục đích sớm phát hiện bệnh nghề nghiệp và điều trị có hiệu quả, nâng cao sức khỏe cho NLĐ. Xem xét mua bảo hiểm tai nạn con người cho đối tượng lao động làm công việc có nhiều yếu tố rủi ro, nguy hiểm.

Thứ bảy, bổ sung thêm một số nội dung nhắc nhở, cảnh báo về công tác ATVSLĐ vào đầu giờ hàng ngày, khi nhân viên truy cập vào hệ thống phần mềm của VTHP để tác nghiệp điều hành sản xuất và cuối giờ gửi lời nhắn đến NLĐ khi họ kết thúc một ngày làm việc an toàn. Yêu cầu toàn bộ nhân viên làm công việc có yếu tố nguy hiểm, rủi ro ký bản cam kết thực hiện đầy đủ các quy định, nội quy đảm bảo an toàn lao động.

Thứ tám, VTHP cần có những hoạt động thiết thực trong hoạt động bảo vệ quyền lợi người NLĐ bị xâm phạm. Song song với việc cải tiến công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất thì VTHP chủ động xây dựng các kênh thông tin để tiếp nhận những phản ánh, ý kiến của người NLĐ về công tác ATVSLĐ.

3.2.2 Đối với việc hoàn thiện quy định về an toàn vệ sinh lao động

Thứ nhất, hoàn thiện pháp luật lao động về an toàn vệ sinh lao động được Luật an toàn vệ sinh lao động nhằm tạo ra môi trường và điều kiện bảo vệ tốt nhất về vấn đề này. Có nghĩa là bên cạnh các quy định về nghĩa vụ an toàn vệ sinh lao động thì cần có văn bản của cơ quan có thẩm quyền tiến hành hoàn thiện về điều kiện an toàn vệ sinh lao động được hướng dẫn thi hành một cách cụ thể. Đồng

thời, cần có sự hướng dẫn cụ thể các bước về trình tự, thủ tục về ATVSLĐ với sự ghi nhận và bảo đảm về an toàn vệ sinh lao động nói chung từ đó tạo ra cơ chế pháp lý hữu hiệu cho các chủ thể trong quá trình giải quyết các tranh chấp về vấn đề này. Đồng thời, Luật ATVSLĐ cần ban hành các quy định riêng biệt về an toàn vệ sinh lao động trong thực tế để từ đó làm nền tảng cho hoạt động thực hiện các quy định về đảm bảo quyền và lợi ích NLĐ nói chung. Do đó, ngay từ thời điểm này, việc triển khai thi hành, xây dựng văn bản pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn những điểm mới, điểm còn chưa rõ của Luật ATVSLĐ 2015 là nhiệm vụ cấp bách, bảo đảm Bộ luật được thi hành đồng bộ, hiệu lực và hiệu quả.

Thứ hai, hoàn thiện pháp luật về an toàn vệ sinh lao động nói chung. Từ các quy định của Luật ATVSLĐ 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành cũng trên cơ sở đó phải sửa đổi bổ sung theo hướng ghi nhận trách nhiệm khai báo tai nạn lao động do người NSDLĐ nói chung. Do đó, cần thiết phải đặt ra vấn đề hoàn thiện pháp luật an toàn vệ sinh lao động để bảo vệ tốt nhất nhóm quyền lợi của các chủ thể trong quan hệ pháp luật lao động trong thực tế.

Thứ ba, không nên quy định việc yêu cầu cung cấp chứng cứ hành vi vi phạm của người vi phạm. Tác giả cho rằng nghĩa vụ chứng minh cần được thực hiện theo quy định của tại điểm a khoản 1 Điều 91 BLTTDS 2015 quy định. Có nghĩa là người khởi kiện không có nghĩa vụ chứng minh lỗi của người vi phạm. Người vi phạm, người bị kiện có nghĩa vụ chứng minh mình không có lỗi gây ra thiệt hại theo quy định của pháp luật. Bởi lẽ, việc chứng minh lỗi của tổ chức, cá nhân có an toàn vệ sinh lao động gặp phải một số khó khăn sau: khó chứng minh được có trách nhiệm nhất là đối với các loại an toàn vệ sinh lao động nếu người khởi kiện đã chết.

Thứ tư, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện quy phạm pháp luật về an toàn vệ sinh lao động nói chung. Cụ thể, trong việc hoàn thiện quy định pháp luật cũng như công tác thực hiện thì chủ thể bị xâm phạm cần phải xác nhận và đảm bảo các điều kiện về an toàn cũng như cung cấp đầy đủ các quy định về trách nhiệm khi TNLĐ xảy ra.

3.2.3 Giải pháp nâng cao hiệu quả pháp luật về an toàn vệ sinh lao động:

Thứ nhất, hoàn thiện quy định pháp luật về vai trò của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành đối với an toàn vệ sinh lao động trong thực tế. Trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thì vai trò quản lý của các cơ quan trong thực hiện quyền của người lao động là điều vô cùng quan trọng. Các cơ quan nhà nước thực hiện chức năng quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về an toàn vệ sinh lao động trong phạm vi cả nước, trong đó có hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về kinh doanh, cơ sở lao động nói chung. Vì vậy, để bảo vệ tốt hơn điều kiện thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan này cần phải được không ngừng tăng cường, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, bảo đảm hiệu lực và hiệu quả trong quản lý nhà nước về quản lý trong hoạt động lao động, phát hiện các hành vi sai phạm trong hoạt động quản lý nhà nước nói chung và thực hiện quyền lợi của các chủ thể nói riêng. Từ đó cũng kịp thời tham mưu, đề xuất với cơ quan có thẩm quyền hoàn thiện những “khoảng trống” của pháp luật trong công tác quản lý trong thực tế.

Thứ hai, nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của mọi chủ thể trong việc bảo vệ quyền lợi của các chủ thể và an toàn vệ sinh lao động:

Một là, vấn đề nâng cao nhận thức và ý thức thực thi các quy định pháp luật về an toàn vệ sinh lao động nói chung là vấn đề trọng tâm và cần thường xuyên quan tâm. Trong quá trình thực thi pháp luật, các công việc liên quan đến tuyên truyền, giáo dục pháp luật phải được tăng cường với nhiều hình thức phong phú, đa dạng để nâng cao nhận thức, hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật của công chúng nói chung, những người có quyền và nghĩa vụ liên quan nói riêng. Ngày nay, với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà Nhà nước ta đang tiến hành, việc tạo lập và tuân thủ các điều kiện về an toàn vệ sinh lao động sẽ hoàn thiện cơ chế quản lý nhà nước trong lĩnh vực này hiện nay.

Hai là, thông qua hoạt động tuyên truyền, giáo dục pháp luật nhằm nâng cao vai trò quyền và nghĩa vụ của người NSDLĐ, NLĐ. Qua đó, khắc phục tâm lý e ngại vấn đề nặng trở thành rào cản để họ thực thi những quyền lợi được

hưởng. Đặc biệt, các chủ thể cần thiết phải tăng cường hoạt động giáo dục và bắt buộc chủ thể cam kết nhằm thực hiện quyền an toàn của NLD trong hoạt động sản xuất. Bên cạnh đó, phải khắc phục và chủ động khiếu nại đến chủ thể có trách nhiệm hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi phát hiện ra các hành vi vi phạm, dỡ bỏ tâm lý e ngại đối với vấn đề này trên thực tế.

Ba là, Luật ATVSLĐ 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành phải tạo tính minh bạch của các văn bản quy phạm pháp luật về an toàn vệ sinh lao động kể cả trong các quy định áp dụng đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh trong giao dịch với các chủ thể nhằm bảo vệ quyền và lợi ích của các chủ thể. Nhằm tạo điều kiện thuận lợi và bảo vệ tối đa lợi ích của người NLD và với thực trạng xâm phạm quyền lợi ở nước ta hiện nay, pháp luật Việt Nam nên quy định theo hướng phải có chế tài xử phạt nghiêm khắc và bắt buộc có hành vi phạm thật nặng thì quyền lợi của họ không thể được bảo vệ; trong trường hợp chủ thể phải bồi thường trách nhiệm có thể khởi kiện tiếp theo yêu cầu bên có lỗi bồi hoàn.

Bốn là, các tổ chức, cá nhân cần có những hoạt động thiết thực trong hoạt động bảo vệ quyền lợi người NLD bị xâm phạm. Song song với việc cải tiến công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất, thì nhiều tổ chức trường học, bệnh viện chủ động thành lập bộ phận giải quyết khiếu nại của có liên quan đến người NLD và chủ động xây dựng các kênh thông tin để tiếp nhận những phản ánh, ý kiến của về vấn đề người NLD. Các tổ chức nên tích cực tham gia tuyên truyền, phổ biến Luật ATVSLĐ 2015 và văn bản về an toàn vệ sinh lao động và các văn bản khác có liên quan.

Thứ ba, có thể khẳng định trách nhiệm bồi thường thiệt hại do TNLD gây ra là một lĩnh vực quan trọng trong hệ thống pháp luật lao động Việt Nam. Với mục tiêu là bảo vệ quyền và lợi ích của người người NLD, các chủ thể nói chung trước việc xử lý các hành vi vi phạm do người NLD gây ra, cũng như quy định về quyền hạn của các chủ thể quản lý đóng một vai trò quan trọng không thể thiếu trong hoạt động dân sự ở nước ta. Tuy nhiên, do những nguyên nhân khách quan và chủ quan, pháp luật về vấn đề này còn rất nhiều tồn tại, thiếu sót như việc quy

định chưa chi tiết. Vì vậy, thiết nghĩ các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cần phải xây dựng và ban hành hệ thống văn bản quy định về vấn đề này chi tiết, hợp lý và có hiệu quả hơn, giúp cho các quy định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do TNLD thực sự được phát huy hết chức năng của nó xứng đáng với vị trí, vai trò và tầm quan trọng ở nước ta hiện tại và trong tương lai.

PHẦN KẾT LUẬN

Thực hiện pháp luật về ATVSLĐ có vai trò quan trọng trong việc góp phần hoàn thiện hơn nữa hệ thống pháp luật Nhà nước Việt Nam. Qua nghiên cứu về pháp luật ATVSLĐ, tác giả thấy rằng pháp luật nước ta đã có những quy định khá cụ thể và ưu việt về ATVSLĐ liên quan đến điều kiện làm việc, đào tạo nghề, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi... Những quy định đó đã giúp NLĐ nhận thức được quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đồng thời cũng đặt ra trách nhiệm cho các doanh nghiệp trong việc đảm bảo ATVSLĐ.

Đề tài “*Pháp luật về an toàn lao động và vệ sinh lao động – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn tại VTHP*” đã tập trung nghiên cứu làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về ATVSLĐ, nghiên cứu quy định của pháp luật Việt Nam về ATVSLĐ, quy định về ATVSLĐ của Tập đoàn Bru Chính Viễn thông Việt Nam; đồng thời tiến hành khảo sát thực tế, phân tích thực trạng áp dụng quy định pháp luật ATVSLĐ tại VTHP. Đề tài chỉ ra những kết quả đạt được và những vướng mắc còn tồn tại, nguyên nhân của những hạn chế đó, từ đó tác giả đưa ra một số giải pháp, kiến nghị nhằm đảm bảo tốt hơn công tác ATVSLĐ tại VTHP.

Tuy nhiên, trong quá trình nghiên cứu, tìm hiểu và hoàn thiện khoá luận tốt nghiệp, do kiến thức cũng như kinh nghiệm thực tế còn nhiều hạn chế nên khoá luận có thể có những thiếu sót, tác giả rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy, cô và Ban giám hiệu của Trường Quản lý và Công nghệ Hải Phòng để tác giả thêm được nhiều kinh nghiệm và sẽ hoàn thành tốt hơn trong thực tế công việc trong thời gian tới.

Xin trân trọng cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Văn bản quy phạm pháp luật

1. Hiến pháp 2013.
2. Luật an toàn vệ sinh lao động 2015.
3. Bộ luật Lao động 2019.
4. Nghị định 39/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ hướng dẫn Luật An toàn, vệ sinh lao động.
5. Nghị định 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ hướng dẫn Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.
6. Nghị định 143/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ hướng dẫn Luật bảo hiểm xã hội và Luật an toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam.
7. Nghị định 88/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn Luật An toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm TNLĐ, bệnh nghề nghiệp bắt buộc.
8. Nghị định 58/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định về mức đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc vào Quỹ bảo hiểm TNLĐ, bệnh nghề nghiệp.
9. Nghị định 44/2017/NĐ-CP Quy định mức đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc vào Quỹ bảo hiểm TNLĐ, bệnh nghề nghiệp.
10. Thông tư 06/2020/TT-BLĐTBXH ngày 20/8/2020 về Danh mục công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành có hiệu lực vào ngày 05 tháng 10 năm 2020.
11. Thông tư 36/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2019 về Danh mục các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

12. Thông tư 56/2017/TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2017 về hướng dẫn Luật bảo hiểm xã hội và Luật an toàn vệ sinh lao động thuộc lĩnh vực y tế do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.

13. Thông tư 26/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 9 năm 2017 về quy định và hướng dẫn thực hiện chế độ bảo hiểm TNLĐ, bệnh nghề nghiệp bắt buộc do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

14. Thông tư 19/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2016 hướng dẫn quản lý vệ sinh lao động và sức khỏe người lao động do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành

15. Thông tư 15/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 6 năm 2016 Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

16. Thông tư 20/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 6 năm 2016 về Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trong Quân đội do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

17. Thông tư 13/2016/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 6 năm 2016 Danh mục công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

18. Thông tư 07/2016/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 5 năm 2016 Quy định nội dung tổ chức thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

19. Thông tư 08/2016/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 5 năm 2016 hướng dẫn việc thu thập, lưu trữ, tổng hợp, cung cấp, công bố, đánh giá về tình hình TNLĐ và sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

B. Tài liệu tham khảo

Các sách tham khảo, chuyên khảo, giáo trình, bình luận khoa học:

1. Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ IX của Đảng, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.105.

2. Đảng cộng sản Việt Nam (1959), Chỉ thị số 132/CT- TW ngày 13/3, Hà Nội.
3. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Lao động Việt Nam*, Nxb, Công an nhân dân, 2017.
4. Cán Thùy Dung, “An toàn lao động và vệ sinh lao động theo pháp luật lao động Việt Nam”, *luật văn thực sĩ*, Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2013.
5. Hà Tất Thắng, “Quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động trong các doanh nghiệp khai thác đá xây dựng ở Việt Nam”, *luận văn tiến sĩ*, học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh năm 2015.
6. Lê Kim Dung, “Tiêu chí của pháp luật bồi thường tai nạn lao động”, *Tạp chí nhà nước và pháp luật*, số 5/2011, tr. 36 - 38.
7. Trần Trọng Đào, “Một số giải pháp để hoàn thiện pháp luật về an toàn lao động tại Việt Nam”, *Tạp chí nghề luật*, số 1/2013, tr. 33 - 41.
8. Lê Duy Đồng, “Cần hạn chế tới mức thấp nhất nguy cơ gây tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp”, *Tạp chí lao động và xã hội*, số 149(4)/1999, tr. 6 - 9.
9. Quyết định số 1184/QĐ-VNPT-NL ngày 08 tháng 10 năm 2018 của TGD Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam về việc phê duyệt mô hình tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị thuộc VNPT tỉnh, thành phố.
10. Quyết định số 613/QĐ-VNPT-NL ngày 06 tháng 06 năm 2018 của TGD Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam về việc ban hành Quy định về An toàn – vệ sinh lao động của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam.
11. Quyết định số 2354/QĐ-VNPT-HP-NS ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Giám đốc Viễn thông Hải Phòng về việc ban hành Quy định về An toàn - vệ sinh lao động.
12. Báo cáo công tác ATVSLĐ của VTHP năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021.
13. <https://laodongviet.vn/tin-tuc/tai-nan-lao-dong-anh-huong-the-nao-den-doi-song-xa-hoi-va-su-phat-trien-cua-doanh-nghiep-1846.html>
14. <http://laodongxahoi.net/tai-nan-lao-dong-chet-nguoi-giam-trong-nam-2019-1315031.html>

15. <http://huanluyenantoan.gov.vn/tinh-hinh-tai-nan-lao-dong-nam-2020.html>